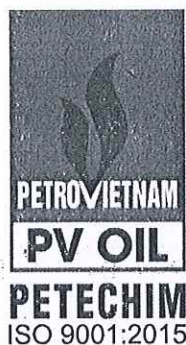


**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
(PETECHIM JSC)**



**TÀI LIỆU
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2025



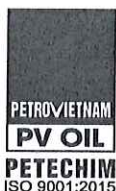
DANH MỤC TÀI LIỆU

HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

NĂM 2025



1. Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch năm 2025;
2. Báo cáo về các nội dung tài chính;
3. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
4. Báo cáo của Ban kiểm soát;
5. Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025;
6. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế tài chính và Dự thảo Quy chế tài chính của Công ty (sửa đổi, bổ sung)



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Số: 51 /BC-TMDK

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Ban Điều hành Công ty CP Thương mại Dầu khí (Petechim) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025 như sau:

PHẦN I BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2024

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Thuận lợi:

- Giá trị thương hiệu Petechim trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ dầu khí tại Việt Nam.
- Sự ủng hộ của các cổ đông lớn và sự hợp tác của các đối tác/khách hàng.
- Nghị quyết ĐHĐCĐ mở ra định hướng kinh doanh mới, phù hợp xu hướng thị trường và tạo cơ hội cho những bước đột phá để làm nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty trong dài hạn.
- Bộ máy tổ chức đã được tái cấu trúc tinh gọn, tập thể lãnh đạo và CBNV đoàn kết, có trình độ, giàu tâm huyết và tinh thần trách nhiệm cao.

2. Khó khăn:

- Năng lực hạn chế trong khi mức độ cạnh tranh khốc liệt nên công tác thương mại đấu thầu hiệu quả không cao, biên lợi nhuận thấp.
- Các lĩnh vực kinh doanh mới gặp nhiều khó khăn, thách thức, chưa đóng góp đáng kể vào kết quả SXKD 2024 như mong đợi.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2024

1. Các nhóm giải pháp để thực hiện kế hoạch SXKD 2024:

1.1 Hoạt động kinh doanh:

- Kiên trì tham gia hoạt động thương mại đấu thầu cả trong và ngoài ngành Dầu khí;
- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết, liên doanh với các đối tác chiến lược để nâng cao vị thế, năng lực cạnh tranh và mở mang thêm cơ hội kinh doanh cho Petechim;
- Tập trung xây dựng mảng cung ứng dịch vụ thành hoạt động cốt lõi, ổn định gắn với định hướng phát triển của ngành dầu khí và chiến lược kinh doanh của cổ đông lớn trong các lĩnh vực năng lượng và logistics cảng biển, sân bay.
- nỗ lực giải quyết tồn đọng, nợ xấu để lành mạnh hoá tình hình tài chính.



2.2 Công tác quản trị:

- Quán triệt thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ để tiết kiệm chi tiêu;
- Quyết liệt trong quản lý dự án, đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả thực hiện HĐ nhằm bảo toàn doanh thu, lợi nhuận và nâng cao uy tín của Petechim;
- Phát huy mô hình task force và hợp tác kinh doanh để tối ưu hoá nguồn lực;
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng môi trường làm việc tích cực, chuyên nghiệp, đoàn kết và hiệu quả.

2. Các chỉ tiêu chính đã đạt được năm 2024 của Công ty mẹ Petechim

DVT: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ % so với	
					KH 2024	TH 2023
1	Doanh thu BH & CCDV	61,71	835,00	713,48	85%	1.159%
2	Lợi nhuận trước thuế	-2,72	3,00	0,28	9%	/
3	Lợi nhuận sau thuế	-2,72	3,00	0,28	9%	/

3. Đánh giá chung về kết quả kinh doanh năm 2024

- BDH và CBNV Công ty luôn quyết liệt trong mọi hành động để triển khai kế hoạch kinh doanh, tận dụng mọi cơ hội để ký được HĐ và nỗ lực thực hiện để tích lũy thu nhập qua từng đơn hàng. Tuy nhiên, hoạt động chính vẫn là thương mại đấu thầu, xác suất trúng thầu thấp nên số lượng HĐ ký được trong năm không nhiều.
- Duy trì quan hệ hợp tác chặt chẽ với khách hàng/đối tác để thực hiện HĐ thành công.
- Việc thu hồi công nợ tiếp tục được thực hiện, từng bước thu hồi vốn.
- Tích cực nghiên cứu và triển khai các lĩnh vực kinh doanh, đặc biệt là dịch vụ logistics.
- Tăng cường liên doanh, liên kết, phát triển mạng tư vấn bán hàng và phân phối sản phẩm.

4. Các hoạt động đầu tư:

- *Công tác đầu tư góp vốn:*

Đến nay Petechim còn đầu tư góp vốn vào 04 DN với tổng số tiền 45,96 tỷ đồng.

- *Công tác đầu tư XD CB và mua sắm TSCĐ:*

- Trong năm 2024 Công ty không thực hiện đầu tư XD CB và mua sắm TSCĐ.
- Tình hình sử dụng TSCĐ đến thời điểm hiện tại như sau: Công ty đang cho thuê một phần diện tích trụ sở văn phòng tại quận 7, Tp HCM để tạo nguồn bù đắp chi phí hoạt động.

5. Công tác cổ đông

- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 VNĐ chia làm 20.000.000 cổ phần.
- Tổng số cổ đông theo danh sách chốt ngày 20/03/2025: 3.563 cổ đông.

III. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 của đơn vị thành viên - Công ty PAIC

- Năm 2024 PAIC đạt doanh thu 102,2 tỷ đồng (bằng 89% kế hoạch năm 2024 và bằng 86% năm 2023), cụ thể như sau:
 - + Doanh thu cung cấp dịch vụ: 72.633.731.987 đồng.
 - + Doanh thu bán hàng hóa: 29.569.844.099 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 4,13 tỷ đồng (bằng 80% kế hoạch năm 2024 và bằng 85% năm 2023).
- Công ty đã chủ động bám sát các kế hoạch dự kiến đầu tư của các đơn vị trong năm 2024 thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin, phần mềm, viễn thông và tự động hóa của các khách hàng truyền thống cũng như tiếp cận, phát triển các khách hàng mới.

IV. Kết quả kinh doanh theo Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2024

1. Các chỉ tiêu kinh doanh hợp nhất năm 2024:

DVT: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kết quả BCTC riêng 2024		Kết quả BCTC hợp nhất 2024
		Công ty mẹ	PAIC	
1	Doanh thu BH & CCDV	713,48	102,20	815,69
3	Lợi nhuận trước thuế	0,28	5,19	3,29
4	Lợi nhuận sau thuế	0,28	4,13	2,23

2. Đánh giá chung:

- Tổng doanh thu hợp nhất năm 2024 đạt 815,69 tỷ đồng, tương đương 85% kế hoạch năm và bằng 453% so với cùng kỳ năm 2023. Lợi nhuận trước thuế đạt 3,29 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 2,23 tỷ đồng (chi tiết như Báo cáo Tài chính báo cáo tại ĐHĐCĐ).
- Năm 2024, tuy kết quả hợp nhất chưa đạt kế hoạch nhưng tập thể lãnh đạo và CBNV đã đoàn kết và nỗ lực hết sức mình để giải quyết khó khăn, tháo gỡ vướng mắc, vượt qua thách thức, nỗ lực phấn đấu cao nhất để thực hiện các mục tiêu kinh doanh.

PHẦN II KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Dự báo tình hình kinh tế xã hội

- Năm 2025 thị trường hàng hóa thế giới được dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp có nhiều biến động do ảnh hưởng bởi các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội của các quốc gia. Kinh tế, thương mại toàn cầu phục hồi chậm, thiếu vững chắc; tổng cầu, đầu tư sụt giảm; tỷ giá, lãi suất biến động khó lường. Thiên tai, hạn hán, bão lũ, biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng, tác động nặng nề tới phát triển kinh tế – xã hội và đời sống.
- Xung đột quân sự, biến động chính trị, bất ổn tiếp tục leo thang căng thẳng, diễn biến khó lường, có nguy cơ lan rộng ở một số quốc gia. Cạnh tranh thương mại giữa các

nước lớn ngày càng gay gắt hơn, đặc biệt với chính sách thuế quan của Mỹ có thể gây ảnh hưởng đến lạm phát dài hạn khi các đối tác thương mại toàn cầu có hành động “trả đũa”.

- Việt Nam là nước nhập khẩu nhiều nguyên liệu phục vụ sản xuất, khi giá hàng hóa trên thế giới ở mức cao và tỷ giá tăng giá càng làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu, sẽ ảnh hưởng đến giá thành, đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước tăng lên.
- Nền kinh tế trong nước có độ mở lớn, chịu tác động mạnh từ những yếu tố bất lợi bên ngoài trong khi những hạn chế, yếu kém nội tại chậm được khắc phục. Các vấn đề về xã hội, môi trường như già hóa dân số, chênh lệch giàu nghèo, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... gây áp lực lớn lên công tác điều hành kinh tế - xã hội.
- Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng của nước ta, là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, các ngành đều phấn đấu các mục tiêu đạt kết quả cao nhất, kiểm soát lạm phát, nhiều dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia đưa vào khai thác, môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Tỉ trọng các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng.
- Bên cạnh đó, các lĩnh vực kinh tế số và kinh tế xanh trở thành động lực tăng trưởng mới, phù hợp với xu hướng phát triển bền vững toàn cầu.

2. Kế hoạch các chỉ số tài chính chủ yếu năm 2025

ĐVT: VNĐ

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch riêng		Kế hoạch hợp nhất
		Petechim	PAIC	
1	Doanh thu BH & CCDV	250.000.000.000	120.000.000.000	370.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	1.500.000.000	6.000.000.000	7.500.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế	1.500.000.000	5.000.000.000	6.500.000.000

3. Chương trình hành động năm 2025

➤ Mục tiêu:

Mục tiêu chiến lược:

Lấy phát triển để ổn định bằng cách chuyển đổi sang các lĩnh vực mới để thay thế mảng thương mại dầu khí; Xây dựng hoạt động cung ứng dịch vụ logistics, xuất nhập khẩu uỷ thác thành hoạt động cốt lõi, bền vững và hiệu quả, tạo ra lợi nhuận / lợi ích cho chủ sở hữu, duy trì thu nhập tốt cho người lao động;.

- **Kế hoạch hành động:** Trong năm 2025, Công ty phải hành động tích cực và quyết liệt trong tất cả các lĩnh vực để phát triển đột phá, đạt được mục tiêu và kế hoạch được giao. Lộ trình thực hiện phải có tính khả thi dựa trên tiến độ triển khai của các Dự án, điều phối linh hoạt các nguồn lực, vừa duy trì hoạt động của Công ty được ổn định để có nguồn trang trải kinh phí thường xuyên, đảm bảo vốn chủ sở hữu và chuẩn bị sẵn sàng cho việc chuyển sang các lĩnh vực mới khi có cơ hội.

Đối với hoạt động SXKD:

- **Lĩnh vực Thương mại đấu thầu:**

- Tiếp tục tham gia cung ứng vật tư, thiết bị và dịch vụ cho các đối tác lớn.
- Mở rộng hoạt động thương mại và cung ứng dịch vụ ra thị trường mới ngoài ngành dầu khí, tham gia các ngành công nghiệp khác, khối cảng biển, sân bay,...

• **Lĩnh vực Dịch vụ:**

- Ngoài các hoạt động dịch vụ dầu khí, chú trọng phát triển các dịch vụ khác như dịch vụ hàng hải, dịch vụ kỹ thuật dầu khí, đại lý tàu,...
- Phối hợp với Công ty con PAIC để tham gia tích cực và hiệu quả với vai trò tư vấn, quản lý dự án, cung cấp nhân sự và dịch vụ bảo trì bảo dưỡng cho các dự án liên quan đến CNTT, ERP, chuyển đổi số và đổi mới công nghệ trên phạm vi cả nước.

• **Lĩnh vực marketing và phát triển thị trường:**

- Kiên trì thực hiện định hướng liên doanh, liên kết với các đối tác chiến lược để gia tăng năng lực cạnh tranh và mở rộng kinh doanh sang các lĩnh vực mới với mục tiêu tận dụng tối đa nguồn lực, kinh nghiệm và quan hệ để tích lũy doanh thu và lợi nhuận.
- Triển khai mạnh dịch vụ tư vấn bán hàng và đại lý phân phối sản phẩm tại Việt Nam.

Đối với công tác điều hành:

• **Lĩnh vực Đầu tư:**

- Thúc đẩy việc tái cấu trúc danh mục đầu tư của Petechim tại các Công ty con của PVOIL và việc thoái vốn của PVOIL tại Petechim để thuận tiện cho việc chuyển sang các lĩnh vực hoạt động mới.
- Tận dụng sự ủng hộ của cổ đông lớn để nắm bắt cơ hội đầu tư phù hợp với năng lực của Công ty, qua đó chủ động tạo ra thị trường cho hoạt động thương mại và dịch vụ truyền thống của Petechim.

• **Hoạt động tài chính:**

- Quản lý sát sao, tiết kiệm chi phí, có biện pháp phòng ngừa rủi ro và đảm bảo thu xếp vốn cho hoạt động SXKD.
- Quyết liệt giải quyết dứt điểm tồn đọng và nợ xấu, thu hồi vốn và lành mạnh hoá tình hình tài chính của Công ty.
- Chú trọng công tác quản lý dự án để thanh quyết toán HĐ đúng hạn và bảo toàn hiệu quả kinh doanh, tránh phát sinh tồn đọng hoặc công nợ mới.

• **Hoạt động quản trị:**

- Tiếp tục chương trình tái cấu trúc, củng cố chất lượng đội ngũ nhân sự để có bộ máy tinh gọn, chuyên nghiệp.
- Hoàn thiện và áp dụng quy chế lương/thưởng phù hợp, lấy yếu tố con người làm động lực chính cho sự phát triển của Công ty.
- Không ngừng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy mô hình task force để phát huy nội lực và sức mạnh tập thể trong các HĐ/Dự án trọng điểm.



KIẾN NGHỊ

Ban điều hành đề xuất các cổ đông lớn tiếp tục ủng hộ, tạo điều kiện và hỗ trợ cho Petechim:

- Hoàn thành công tác thoái vốn để tập trung triển khai các lĩnh vực kinh doanh mới, thực hiện thành công mục tiêu xây dựng hoạt động cốt lõi để phát triển bền vững.
- Được tham gia các Dự án và kết nối với các đối tác, khách hàng để cùng tham gia nghiên cứu các cơ hội đầu tư, liên doanh - liên kết và cung ứng dịch vụ đa ngành.
- Gắn liền hoạt động thương mại và cung ứng DV với các dự án của cổ đông lớn, ưu tiên cho Petechim có cơ hội hợp tác đầu tư và tham gia cung cấp hàng hoá, dịch vụ.

KẾT LUẬN

Năm 2025, đối mặt với muôn vàn khó khăn và thách thức, Công ty Petechim vẫn bền bỉ, kiên trì với chiến lược vừa duy trì hoạt động thương mại dịch vụ truyền thống để “lấy ngắn nuôi dài”, vừa nắm bắt cơ hội mở rộng kinh doanh để tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững trong giai đoạn mới, hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra, bảo toàn vốn chủ sở hữu, bảo đảm lợi ích của cổ đông và quyền lợi của người lao động.

BĐH chân thành cảm ơn sự quan tâm của HĐQT/Quý cổ đông và kính mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Quý cổ đông cũng như sự chỉ đạo của HĐQT nhằm thực hiện thành công kế hoạch SXKD năm 2025 và từng bước phát triển bền vững của Petechim trong thời gian tới.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, GTS, LTH (03)





BÁO CÁO VỀ CÁC NỘI DUNG TÀI CHÍNH

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Hội đồng quản trị Công ty CP Thương mại Dầu khí (PETECHIM JSC) trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 các nội dung tài chính như sau:

1. Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ tài chính 2024 đã được kiểm toán.
2. Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ niên độ 2024 đã được kiểm toán.
3. Đề xuất về phân phối lợi nhuận sau thuế.
4. Đề xuất chi trả thù lao HĐQT.

1. Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ tài chính 2024 đã được kiểm toán

- Báo cáo kết quả HĐSXKD hợp nhất niên độ tài chính 2024 (tóm tắt):

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	815.687.859.712	180.163.996.240
2. Giá vốn hàng bán	786.221.542.040	153.597.901.412
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	29.466.317.672	26.566.094.828
4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.403.677.302	1.668.576.955
5. Lợi nhuận khác	(105.443.301)	(250.235.506)
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.298.234.001	1.418.341.449
7. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	2.230.543.364	149.950.360
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	12	(109)

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất niên độ tài chính 2024 (tóm tắt):

Đơn vị: VND

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	259.818.740.856	825.395.480.745
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.624.639.641	35.191.148.394
Đầu tư tài chính ngắn hạn	72.556.733.854	65.370.164.452
Các khoản phải thu ngắn hạn	155.239.737.212	102.151.763.496
Hàng tồn kho	3.903.595.495	576.023.243.759
Tài sản ngắn hạn khác	494.034.654	46.659.160.644
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	68.134.046.245	83.578.805.715
Các khoản phải thu dài hạn	49.800.000	67.074.000
Tài sản cố định	42.279.568.175	43.973.287.826



Khoản mục	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023
Đầu tư tài chính dài hạn	24.000.000.000	38.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	1.804.678.070	1.538.443.889
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	327.952.787.101	908.974.286.460
C. NỢ PHẢI TRẢ	100.038.951.251	680.731.021.943
Nợ ngắn hạn	93.086.504.651	670.039.057.543
Nợ dài hạn	6.952.446.600	10.691.964.400
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	228.243.264.517	228.243.264.517
Vốn chủ sở hữu	227.913.835.850	228.243.264.517
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	327.952.787.101	908.974.286.460

- Một số chỉ số tài chính:

	ĐVT	Niên độ 2024	Niên độ 2023
I. Tỷ số thanh toán			
1. Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	2,79	1,23
2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2.74	0,30
II. Tỷ số hoạt động			
1. Vòng quay khoản phải thu	Vòng	6,34	1,61
2. Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,32	0,20
3. Kỳ thu tiền trung bình	Ngày	57,61	226,18
III. Tỷ số nợ			
1. Tỷ số nợ/Tổng tài sản	%	30,50	74,89
2. Tỷ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	43,89	298,25

2. Báo cáo tài chính riêng niên độ tài chính 2024 đã được kiểm toán

- Báo cáo kết quả HĐSXKD niên độ tài chính năm 2024 (tóm tắt):

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu thuần bán hàng và CCDV	713.484.283.626	61.710.331.142
2. Giá vốn hàng bán	705.567.832.158	56.282.338.361
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	7.916.451.468	5.427.992.781
4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	386.069.893	(2.477.918.903)
5. Lợi nhuận khác	(104.865.696)	(245.661.565)
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	281.204.197	(2.723.580.468)
7. Lợi nhuận sau thuế TNDN	281.204.197	(2.723.580.468)

• **Bảng cân đối kế toán niên độ tài chính 2024 (tóm tắt)**

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN	199.744.202.964	768.752.275.324
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.759.148.487	25.714.091.494
Đầu tư tài chính ngắn hạn	42.500.805.701	34.570.164.452
Các khoản phải thu ngắn hạn	135.525.724.892	86.774.985.645
Hàng tồn kho	2.958.523.884	575.783.847.536
Tài sản ngắn hạn khác		45.909.186.197
B.TÀI SẢN DÀI HẠN	79.499.610.305	90.485.194.980
Các khoản phải thu dài hạn	35.000.000	35.000.000
Tài sản cố định	32.919.938.088	33.892.941.192
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	45.960.000.000	55.960.000.000
Tài sản dài hạn khác	584.672.217	597.253.788
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	279.243.813.269	859.237.470.304
C. NỢ PHẢI TRẢ	77.965.892.014	658.240.753.246
Nợ ngắn hạn	71.013.445.414	647.548.788.846
Nợ dài hạn	6.952.446.600	10.691.964.400
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	201.277.921.255	200.996.717.058
Vốn chủ sở hữu	201.277.921.255	200.996.717.058
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	279.243.813.269	859.237.470.304

3. Đề xuất về phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024:

Kết quả hoạt động SXKD năm 2024 của công ty lãi 281.204.197 VNĐ và công ty vẫn đang lỗ lũy kế 34 tỷ VNĐ nên không đủ điều kiện để phân phối lợi nhuận.

4. Đề xuất chi trả thù lao HĐQT năm 2025:

HĐQT đề xuất mức chi trả thù lao năm 2025 theo mức như sau:

STT	Thành phần HĐQT	Mức thù lao (VNĐ/năm)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	60.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị (2 người)	72.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	36.000.000
4	Thành viên Ban kiểm soát (2 người)	48.000.000
	TỔNG CỘNG	216.000.000

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT (để biết, phối hợp);
- Lưu VT, P. TCKT, PTHY (03).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Võ Khánh Hưng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10 - 10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305447723, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2008 và đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 15 ngày 10 tháng 5 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 5411 2323
- Fax : +84 (028) 5411 2332

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông – lâm – ngư nghiệp; mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế; môi giới hàng hải; cho thuê tàu, phương tiện nổi, giàn khoan; dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ khai thuê hải quan; kinh doanh vận tải biển; đại lý vận tải biển; đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; xây dựng cầu cảng biển, công trình công nghiệp, công trình dân dụng, công trình dầu khí, công trình thủy điện; bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm, thiết bị viễn thông, thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; lắp trình máy vi tính; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính; xử lý dữ liệu; cho thuê và các hoạt động liên quan; quảng cáo; nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi, thiết bị liên lạc (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);...

Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Võ Khánh Hưng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Trần Đức Chính	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Đỗ Quang Thuận	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Đoàn Thu Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Bà Trần Mộng Thùy Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2022
Ông Ngô Thế Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Đỗ Thị Bích Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Đỗ Thị Bích Hà – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Số: 1.0761/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí với số tiền 24.971.600.000 VND đã quá hạn (xem thuyết minh số V.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất). Tập đoàn đã nộp hồ sơ khiếu kiện lên Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu và đã nhận được Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí sẽ thanh toán nợ gốc và lãi cho Tập đoàn thành 3 đợt từ ngày 30 tháng 4 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 với số tiền gốc là 33.345.000.000 VND và lãi là 900.000.000 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm Báo cáo tài chính hợp nhất được phê duyệt phát hành, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí mới chỉ thanh toán 8.373.400.000 VND, số còn lại vẫn chưa thanh toán cho Tập đoàn theo lịch trả nợ đã cam kết. Các bằng chứng kiểm toán hiện có vẫn chưa đủ để đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản nợ này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải lập dự phòng cho khoản công nợ này hay không cũng như số dự phòng cần phải trích lập (nếu có).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hồ Văn Tùng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Quang Châu

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2607-2023-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		259.818.740.856	825.395.480.745
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	27.624.639.641	35.191.148.394
1. Tiền	111		12.941.480.776	18.287.067.957
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.683.158.865	16.904.080.437
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		72.556.733.854	65.370.164.452
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	72.556.733.854	65.370.164.452
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		155.239.737.212	102.151.763.496
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	144.753.651.570	96.902.834.289
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	21.527.343.835	15.213.945.864
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	2.699.792.900	3.769.816.341
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(13.741.051.093)	(13.734.832.998)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		3.903.595.495	576.023.243.759
1. Hàng tồn kho	141	V.7	3.903.595.495	576.023.243.759
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		494.034.654	46.659.160.644
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	493.154.104	729.449.109
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	45.909.186.197
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	880.550	20.525.338
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		68.134.046.245	83.578.805.715
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		49.800.000	67.074.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	49.800.000	67.074.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		42.279.568.175	43.973.287.826
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	42.279.568.175	43.973.287.826
- Nguyên giá	222		68.190.556.644	67.915.466.644
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.910.988.469)	(23.942.178.818)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		154.472.660	154.472.660
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(154.472.660)	(154.472.660)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		24.000.000.000	38.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	24.000.000.000	24.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	-	14.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.804.678.070	1.538.443.889
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.620.969.477	1.154.325.918
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.11	183.708.593	384.117.971
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		327.952.787.101	908.974.286.460

3.
Y
N
M
HÍ
SC
19815-
IG TY
ỆM HỮU
VÀ TƯ
& C
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		100.038.951.251	680.731.021.943
I. Nợ ngắn hạn	310		93.086.504.651	670.039.057.543
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a, c	19.193.161.519	84.926.503.735
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	4.942.921.311	127.963.488.160
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	4.521.393.938	1.871.267.639
4. Phải trả người lao động	314		6.132.951.739	5.821.105.997
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	29.011.405.784	5.679.479.356
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		181.734.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a, c	10.516.347.176	11.522.867.366
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	18.222.137.863	432.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	364.451.321	254.345.290
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6.952.446.600	10.691.964.400
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b, c	6.606.446.600	10.470.964.400
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b, c	346.000.000	221.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

M.S.D.N:05

CHÍNH

CHÍNH
HẠNH
VĂN
MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		227.913.835.850	228.243.264.517
I. Vốn chủ sở hữu	410		227.913.835.850	228.243.264.517
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19a,b,c	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19a	35.044.156.277	35.044.156.277
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19a	(30.570.174.837)	(30.438.266.857)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(30.813.977.677)	(30.438.266.857)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		243.802.840	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.19a	23.439.854.410	23.637.375.097
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		327.952.787.101	908.974.286.460

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	816.512.489.342	197.915.808.671
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	824.629.630	17.751.812.431
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		815.687.859.712	180.163.996.240
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	786.221.542.040	153.597.901.412
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.466.317.672	26.566.094.828
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	5.566.274.257	6.766.543.599
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	569.248.692	790.867.663
Trong đó: chi phí lãi vay	23		88.315.516	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	5.164.373.158	5.525.326.921
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	25.895.292.777	25.347.866.888
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.403.677.302	1.668.576.955
12. Thu nhập khác	31		36.400	81.818.182
13. Chi phí khác	32	VI.8	105.479.701	332.053.688
14. Lợi nhuận khác	40		(105.443.301)	(250.235.506)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.298.234.001	1.418.341.449
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	1.067.690.637	1.268.391.089
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.230.543.364	149.950.360
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		243.802.840	(2.176.051.049)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.986.740.524	2.326.001.409
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a,b	12	(109)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9a,b	12	(109)

177
NG
PH
ON
ĐẦU
7-TI

3300
C
ÁCH
M TI
A
VH

Phạm Thị Hồng Yến

Nguyễn Ngọc Anh



TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Đỗ Thị Bích Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.298.234.001	1.418.341.449
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 11	2.169.219.029	2.079.948.607
- Các khoản dự phòng	03	V.6	6.218.095	5.037.259
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(3.574.470)	(6.210.253)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(5.562.637.143)	(6.754.877.551)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	88.315.516	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(4.224.972)	(3.257.760.489)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.901.744.741)	(26.369.620.119)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		572.119.648.264	(574.823.483.172)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(167.023.874.070)	171.235.130.764
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(230.348.554)	811.503.591
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.15, VI.5	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(1.268.946.889)	(1.079.669.061)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(614.505.000)	(377.378.334)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		395.076.004.038	(433.861.276.820)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(275.090.000)	(300.535.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(32.545.615.004)	(23.608.907.598)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		39.359.045.602	24.731.068.493
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	6.322.513.153	6.199.283.720
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.860.853.751	7.020.909.615

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	33.222.137.863	432.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(447.000.000.000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16a, 19a	(1.729.175.100)	(2.433.773.353)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(415.507.037.237)	429.566.226.647
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(7.570.179.448)	2.725.859.442
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	35.191.148.394	32.458.809.652
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.670.695	6.479.300
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	27.624.639.641	35.191.148.394

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025



Phạm Thị Hồng Yến
Người lập



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc

5-CT.1
TỶ
HỮU HẠN
TƯ VẤN
CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty” hoặc “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí, cung cấp thiết bị ngành hàng không.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (công ty con) chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty con có trụ sở tại Tầng 14, khu văn phòng (đơn nguyên giữa), tòa nhà C1 Thành Công, phố Thành Công, phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội, hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch. Tỷ lệ vốn góp, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ đối với công ty con không đổi từ năm trước đến năm nay là 51,85%.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 101 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 99 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn gồm có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho của Tập đoàn là chi phí thực hiện dịch vụ liên quan đến các hợp đồng cung cấp thiết bị, vật tư cho các công trình dầu khí, thiết bị cho ngành hàng không, các kho xăng dầu và các dự án cung cấp thiết bị viễn thông chưa hoàn thành, bao gồm: chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là doanh thu ước tính của từng hợp đồng trừ chi phí ước tính để hoàn thành dịch vụ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa, bảo trì các tòa nhà, văn phòng đang thuê. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 46
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định hữu hình khác	4

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian sử dụng lô đất là 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán; cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty mẹ.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm căn cứ vào kết quả nhận công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu của Tập đoàn là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ; có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể, có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và chi phí phải trả.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	289.068.235	471.775.709
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.652.412.541	17.815.292.248
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) (i)	14.683.158.865	16.904.080.437
Cộng	27.624.639.641	35.191.148.394

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,6%/năm đến 3,3%/năm (năm trước từ 2,9%/năm đến 7,1%/năm).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với tổng trị giá 12.357.756.409 VND tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh được dùng để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại chính Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.17). Năm trước không có khoản tiền gửi có kỳ hạn nào được dùng làm tài sản bảo đảm.

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Ngắn hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 5 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 2,9%/năm đến 11%/năm (lãi suất năm trước từ 4,6%/năm đến 11,3%/năm).

Trong đó:

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.900.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.900.000.000 VND) đang bị hạn chế sử dụng. Khoản tiền này sẽ được sử dụng trong tương lai khi có hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng với tổng trị giá 19.703.606.796 VND tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh được dùng để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại chính Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.17). Năm trước không có khoản tiền gửi có kỳ hạn nào được dùng làm tài sản bảo đảm.

Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trái phiếu (i)	-	10.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng (ii)	-	4.000.000.000
Cộng	-	14.000.000.000

- (i) Trái phiếu mã HDBL2229013 do Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh phát hành, mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 7 năm từ ngày 31 tháng 8 năm 2022 đến ngày 31 tháng 8 năm 2029.
- (ii) Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 11,3%/năm

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	24.000.000.000	24.000.000.000

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh các sản phẩm khí và dầu mỏ	5,50%	5,50%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan	2,00%	2,00%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Quảng Ngãi	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan	1,58%	1,58%

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (i)	24.971.600.000	26.995.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Năng lượng MCD Việt Nam	20.787.278.531	22.187.278.531
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM	651.906.400	651.906.400
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	6.387.585.100	21.660.061.050
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	4.399.370.520	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	9.860.212.592	6.539.583.850

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro (ii)	60.838.172.003	931.644.488
Công ty TNHH - Tổng công ty Thăm dò khai thác Dầu khí	-	92.180.000
Các khách hàng khác	16.857.526.424	17.845.179.969
Cộng	144.753.651.570	96.902.834.289

- (i) Khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí đã quá hạn. Công ty mẹ đã nộp hồ sơ khiếu kiện lên Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu và đã nhận được Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các bên về việc Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí sẽ thanh toán nợ gốc và lãi cho Tập đoàn thành 3 đợt từ ngày 30 tháng 4 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 với số tiền gốc là 33.345.000.000 VND và lãi là 900.000.000 VND. Tuy nhiên, cho đến ngày kết thúc năm tài chính Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí mới chỉ thanh toán 8.373.400.000 VND, số còn lại vẫn chưa thanh toán cho Tập đoàn theo lịch trả nợ đã cam kết.
- (ii) Trong đó, khoản phải thu theo Hợp đồng số 0044/24/T-D3/VSP1-PETECHIM ngày 29 tháng 8 năm 2024 từ dự án cung cấp vật tư kết cấu chính khối chân đế, cọc, bển cặp tàu giàn P15 với số tiền 59.366.370.723 VND được dùng để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Hưng Yên	7.773.056.067	7.773.056.067
Công ty TNHH Công nghệ Novitech	-	2.416.887.000
Công ty TNHH Năng lượng NMT	3.963.413.344	3.963.413.344
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật DS Vũng Tàu	3.517.345.118	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Hà Phương	2.950.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	3.323.529.306	1.060.589.453
Cộng	21.527.343.835	15.213.945.864

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam - chi phí dự án sản xuất thử nghiệm pin mặt trời	1.646.068.395	1.646.068.395	1.646.068.395	1.646.068.395
Tạm ứng	89.770.905	-	227.192.336	-
Các khoản ký quỹ	87.982.000	-	260.708.000	-
Lãi dự thu	875.971.600	-	1.635.847.610	-
Cộng	2.699.792.900	1.646.068.395	3.769.816.341	1.646.068.395

5b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Schlumberger Seaco Inc.	Trên 3 năm	21.131.825	-	Trên 3 năm	20.137.878	-
Swiber Offshore Construction Pte. Ltd.	Trên 3 năm	111.068.012	-	Trên 3 năm	105.843.864	-
DNTN Cà phê Minh Tiến	Trên 3 năm	562.006.000	-	Trên 3 năm	562.006.000	-
Công ty TNHH Cần ống khoan Dầu khí Việt Nam	Trên 3 năm	52.395.750	-	Trên 3 năm	52.395.750	-
Công ty TNHH Hưng Yên	Trên 3 năm	7.773.056.067	-	Trên 3 năm	7.773.056.067	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí Liên doanh Việt Nga	Trên 3 năm	24.971.600.000	24.971.600.000	Trên 3 năm	26.995.000.000	26.995.000.000
Vietsoyapetro	Trên 3 năm	920.168.311	-	Trên 3 năm	920.168.311	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Năng lượng MCD Việt Nam	Trên 3 năm	20.787.278.531	20.787.278.531	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	22.187.278.531	22.187.278.531
Công ty TNHH Đầu tư và Giải pháp Công nghệ tổng hợp Leveltech	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	6.307.106.427	6.307.106.427	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	6.307.106.427	6.307.106.427
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ FM	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	651.906.400	651.906.400	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	651.906.400	651.906.400
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhật Anh	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	855.000.000	855.000.000	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	855.000.000	855.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Trên 3 năm	1.864.410.133	-	Trên 3 năm	1.864.410.133	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconec PVC	Trên 3 năm	790.746.600	-	Trên 3 năm	790.746.600	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc Gia Việt Nam	Trên 3 năm	1.646.068.395	-	Trên 3 năm	1.646.068.395	-
Phải thu khách hàng khác	Trên 3 năm	1.044.250	1.044.250	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.044.250	1.044.250
Cộng		67.314.986.701	53.573.935.608		70.732.168.606	56.997.335.608

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13.734.832.998	13.729.795.739
Trích lập dự phòng	6.218.095	5.037.259
Số cuối năm	13.741.051.093	13.734.832.998

7. Hàng tồn kho

	Năm nay	Năm trước
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.903.595.495	3.149.686.141
Hàng hóa (i)	-	572.873.557.618
Số cuối năm	3.903.595.495	576.023.243.759

- (i) Hàng hóa là công cụ thiết bị, phụ tùng ngành hàng không theo Hợp đồng mua bán số 06/2023/HĐMB ngày 04 tháng 12 năm 2023. Công ty đã xuất bán toàn bộ lô hàng này cho Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet theo Hợp đồng mua bán số 08/2023/HĐMB ngày 04 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê đất, văn phòng	42.189.578	42.189.578
Chi phí bảo hiểm	82.416.000	76.234.800
Chi phí công cụ, dụng cụ	162.500.000	398.107.231
Chi phí sửa chữa, bảo trì	206.048.526	212.917.500
Cộng	493.154.104	729.449.109

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa, bảo trì	574.169.314	760.456.294
Chi phí công cụ, dụng cụ	295.521.830	3.227.269
Chi phí khác	751.278.333	390.642.355
Cộng	1.620.969.477	1.154.325.918

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Máy móc, thiết bị	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	57.750.758.355	2.264.218.183	3.654.253.527	4.246.236.579	67.915.466.644
Mua trong năm	-	-	-	275.090.000	275.090.000
Số cuối năm	57.750.758.355	2.264.218.183	3.654.253.527	4.521.326.579	68.190.556.644
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.795.591.151	2.264.218.183	3.528.393.511	4.029.736.231	11.617.939.086
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	14.826.365.197	2.264.218.183	2.796.010.783	4.055.584.655	23.942.178.818
Khấu hao trong năm	1.400.687.016	-	438.545.412	129.577.223	1.968.809.651
Số cuối năm	16.227.052.213	2.264.218.183	3.234.556.195	4.185.161.878	25.910.988.469
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	42.924.393.158	-	858.242.744	190.651.924	43.973.287.826
Số cuối năm	41.523.706.142	-	419.697.332	336.164.701	42.279.568.175
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	154.472.660
Số cuối năm	<u>154.472.660</u>
Trong đó:	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	154.472.660
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	154.472.660
Số cuối năm	<u>154.472.660</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	-
Trong đó:	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

11. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại từ mua Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí.

Nguyên giá	
Số đầu năm	2.004.093.775
Số cuối năm	<u>2.004.093.775</u>
Trong đó:	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	
Số đã phân bổ	
Số đầu năm	1.619.975.804
Phân bổ trong năm	200.409.378
Số cuối năm	<u>1.820.385.182</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	384.117.971
Số cuối năm	<u>183.708.593</u>
Trong đó:	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

12. Phải trả người bán

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan)	11.093.553.400	7.729.035.600
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	-	61.870.344.223
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năm Sao	-	74.250.000
Các nhà cung cấp khác	8.099.608.119	15.252.873.912
Cộng	<u>19.193.161.519</u>	<u>84.926.503.735</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12b. Phải trả người bán dài hạn

Khoản phải trả cho Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan).

Ngày 15 tháng 10 năm 2012, Công ty mẹ đã ký Hợp đồng số 378/PVOIL.TCKT.PETECHIM/06-12/B với Tổng công ty Dầu Việt Nam về việc nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là toàn bộ tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh. Tổng giá trị hợp đồng là 50.238.731.400 VND bao gồm tiền sử dụng đất, 2% phí bảo trì tòa nhà và thuế giá trị gia tăng. Khoản nợ này được trả chậm trong vòng 15 năm (sau 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng các bên sẽ xem xét lại thời hạn trả chậm). Nợ gốc sẽ được trả theo số tiền cố định bình quân mỗi nửa năm tính trên số năm của hợp đồng và thanh toán lãi trả chậm mỗi nửa năm. Lãi trả chậm được tính dựa trên số dư nợ gốc giảm dần theo năm thanh toán với lãi suất huy động năm thời hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày cuối cùng của kỳ tính lãi. Giá gốc để tính lãi trả chậm bằng 95% giá trị hợp đồng, 5% còn lại sẽ được gộp vào tính lãi khi Tổng công ty Dầu Việt Nam thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí.

Lịch trả nợ được thực hiện theo biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	11.093.553.400	7.729.035.600
Trên 1 năm đến 5 năm	6.606.446.600	10.470.964.400
Cộng	17.700.000.000	18.200.000.000
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	11.093.553.400	7.729.035.600
Số phải trả sau 12 tháng	6.606.446.600	10.470.964.400

12c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Thiên Hoàng	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	913.488.160
Công ty Cổ phần AVIATION	1.111.111.111	-
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	-	127.000.000.000
Các khách hàng khác	831.810.200	50.000.000
Cộng	4.942.921.311	127.963.488.160

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	445.187.620	19.588.005	6.740.326.392	(4.188.039.653)	2.978.766.904	880.550
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	5.529.853.551	(5.529.853.551)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.292.459.672	-	1.067.690.637	(1.268.946.889)	1.091.203.420	-
Thuế thu nhập cá nhân	133.620.347	-	1.983.824.934	(1.666.161.137)	451.284.144	-
Các loại thuế khác	-	937.333	220.196.817	(219.120.014)	139.470	-
Cộng	1.871.267.639	20.525.338	15.541.892.331	(12.872.121.244)	4.521.393.938	880.550

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cước vận tải quốc tế	:	0%
- Bán hàng hóa và dịch vụ khác	:	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Riêng trong năm 2024, Tập đoàn áp dụng thuế suất 8% đối với hàng hóa tiêu thụ trong nước theo quy định tại Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ áp dụng cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 và Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ áp dụng cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và		
Tự động hóa Dầu khí	1.067.690.637	1.268.391.089
Cộng	1.067.690.637	1.268.391.089

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

Tập đoàn có khoản lỗ tính thuế tại Công ty mẹ qua các năm như sau:

Năm 2020	1.830.306.120
Năm 2021	351.473.849
Năm 2022	2.190.922.024
Năm 2023	4.396.946.364
Năm 2024	2.387.202.686
Cộng	11.156.851.043

Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế được chuyển sang trừ vào thu nhập chịu thuế các năm sau do đánh giá tình hình kinh doanh có thể bị tác động không tốt vì ảnh hưởng suy thoái kinh tế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	88.315.516	-
Chi phí cung cấp hệ thống pha chế E5- E10	-	379.836.480
Chi phí giá vốn dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (Lò 2019)	1.546.894.800	1.546.894.800
Chi phí giá vốn dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (BOP 2020)	613.300.639	613.300.639
Chi phí giá vốn dự án HD07/NT2.TM	1.653.506.905	1.653.506.905
Chi phí giá vốn Dự án cung cấp vật tư kết cấu chính khối chân đế, cọc, bển cập tàu giàn P15 (Hợp đồng số 0044/24/T-D3/VSP1-PETECHIM)	18.164.862.170	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí giá vốn Dự án cung cấp vật tư khối thượng tầng, khung dầm chịu lực, cầu dẫn giàn P15 (Hợp đồng 0041/24/T-D3/VSP1-PETECHIM)	5.105.459.972	-
Chi phí phải trả khác	1.839.065.782	1.485.940.532
Cộng	29.011.405.784	5.679.479.356

16. Phải trả ngắn hạn khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Dầu Việt Nam (là bên liên quan) – lãi trả chậm	3.735.336.111	4.787.935.799
Kinh phí công đoàn	224.717.119	224.551.083
Các khoản bảo hiểm bắt buộc	47.023.245	59.454.767
Cổ tức phải trả	6.150.380.264	6.044.194.364
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	358.890.437	406.731.353
Cộng	10.516.347.176	11.522.867.366

16b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản ký quỹ.

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 30389/24MN/HĐTD ngày 26 tháng 8 năm 2024 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và phát hành L/C phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại. Thời hạn khoản vay là 2 tháng kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2024 với lãi suất cố định 8,7%/năm trong tháng đầu tiên sau khi giải ngân và điều chỉnh mỗi tháng 1 lần kể từ tháng thứ hai.

Khoản vay này được bảo đảm bằng các Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.1 và V.2a) và quyền đòi nợ Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro theo Hợp đồng số 0044/24/T-D3/VSP1-PETECHIM ngày 29 tháng 8 năm 2024 từ dự án cung cấp vật tư kết cấu chính khối chân đế, cọc, bển cập tàu giàn (xem thuyết minh số V.3).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	432.000.000.000
Vay trong năm	33.222.137.863
Số tiền vay đã trả	(447.000.000.000)
Số cuối năm	18.222.137.863

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	254.345.290
Trích bổ sung từ lợi nhuận	724.611.031
Chi quỹ trong năm	(614.505.000)
Số cuối năm	364.451.321

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	200.000.000.000	35.044.156.277	(28.074.848.380)	23.116.802.634	230.086.110.531
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	(2.176.051.049)	2.326.001.409	149.950.360
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm trước	-	-	(187.367.428)	(173.996.946)	(361.364.374)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(1.631.432.000)	(1.631.432.000)
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	35.044.156.277	(30.438.266.857)	23.637.375.097	228.243.264.517
Số đầu năm nay	200.000.000.000	35.044.156.277	(30.438.266.857)	23.637.375.097	228.243.264.517
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	243.802.840	1.986.740.524	2.230.543.364
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm nay	-	-	(375.710.820)	(348.900.211)	(724.611.031)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	(1.835.361.000)	(1.835.361.000)
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	35.044.156.277	(30.570.174.837)	23.439.854.410	227.913.835.850

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Dầu Việt Nam	58.000.000.000	29,0	58.000.000.000	29,0
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trảng An	46.200.000.000	23,1	46.200.000.000	23,1
Ông Dương Công Ái	33.800.000.000	16,9	33.800.000.000	16,9
Các cổ đông khác	62.000.000.000	31,0	62.000.000.000	31,0
Cộng	200.000.000.000	100,0	200.000.000.000	100,0

19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (công ty con) đã thông qua Nghị quyết số 131/NQ-PAIC-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc chi trả cổ tức bằng 9% mệnh giá.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	3.873,88	3.926,68
Euro (EUR)	3.232,03	3.232,03

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	739.251.485.984	86.959.648.106
Doanh thu cung cấp dịch vụ	77.261.003.358	110.956.160.565
Cộng	816.512.489.342	197.915.808.671

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	730.939.389.383	64.409.767.951
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	55.282.152.657	89.188.133.461
Cộng	786.221.542.040	153.597.901.412

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.992.637.143	6.554.943.551
Cổ tức, lợi nhuận được chia	570.000.000	199.934.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	5.455.795
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.574.470	6.210.253
Doanh thu tài chính khác	62.644	-
Cộng	5.566.274.257	6.766.543.599

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	88.315.516	-
Lãi trả chậm	480.085.667	787.935.799
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	745.548	2.931.864
Chi phí tài chính khác	101.961	-
Cộng	569.248.692	790.867.663

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.086.631.550	2.862.104.185
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	4.354.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.001.091.782	970.560.695
Các chi phí khác	1.076.649.826	1.688.307.496
Cộng	5.164.373.158	5.525.326.921

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	15.078.667.540	13.443.763.805
Chi phí đồ dùng văn phòng	636.642.321	1.306.503.515
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.839.232.428	1.814.128.926
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	200.409.378	200.409.378
Dự phòng phải thu khó đòi	6.218.095	5.037.259
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.831.939.465	3.624.521.261
Các chi phí khác	3.302.183.550	4.953.502.744
Cộng	25.895.292.777	25.347.866.888

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	271.579.795
Các khoản truy thu và phạt thuế	7.295.326	4.573.941
Chi phí khác	98.184.375	55.899.952
Cộng	105.479.701	332.053.688

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	243.802.840	(2.176.051.049)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	243.802.840	(2.176.051.049)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	12	(109)

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua hàng hóa	753.587.860.255	721.108.583.982
Chi phí nhân công	37.512.990.931	29.586.530.336
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.169.219.029	2.079.948.607
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.515.501.034	4.595.081.956
Chi phí khác	4.385.051.471	7.248.125.897
Cộng	835.170.622.720	764.618.270.778

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 1.026.759.000 VND (năm trước là 824.576.315 VND).

1b. Danh sách các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Dầu Việt Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể góp 29% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trảng An	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể góp 23,1% vốn điều lệ

1c. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với bên liên quan khác

Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch với Tổng công ty Dầu Việt Nam là lãi trả chậm với số tiền là 480.085.667 VND (số năm trước là 787.935.799 VND)

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.12a, V.12b và V.16a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Tập đoàn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phục vụ các công trình dầu khí, cung cấp thiết bị ngành hàng không tại Việt Nam. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu có tài sản bảo đảm đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.624.639.641	-	27.624.639.641
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	72.556.733.854	-	72.556.733.854
Phải thu khách hàng	86.857.789.331	57.895.862.239	144.753.651.570
Các khoản phải thu khác	875.971.600	1.646.068.395	2.522.039.995
Cộng	187.915.134.426	59.541.930.634	247.457.065.060
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.191.148.394	-	35.191.148.394
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	79.370.164.452	-	79.370.164.452
Phải thu khách hàng	42.752.940.822	54.149.893.467	96.902.834.289
Các khoản phải thu khác	1.896.555.610	1.646.068.395	3.542.624.005
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.000.000.000	-	24.000.000.000
Cộng	183.210.809.278	55.795.961.862	239.006.771.140

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả người bán	19.193.161.519	6.606.446.600	25.799.608.119
Vay	18.222.137.863	-	18.222.137.863
Các khoản phải trả khác	39.133.063.941	-	39.133.063.941
Cộng	76.548.363.323	6.606.446.600	83.154.809.923
Số đầu năm			
Phải trả người bán	84.926.503.735	10.470.964.400	95.397.468.135
Vay	432.000.000.000	-	432.000.000.000
Các khoản phải trả khác	16.830.327.187	-	16.830.327.187
Cộng	533.756.830.922	10.470.964.400	544.227.795.322

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD, EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả thuần có gốc USD của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.873,88	3.926,68
Phải trả người bán	(5.618,06)	(5.618,06)
Nợ phải trả thuần có gốc USD	(1.744,18)	(1.691,38)

Tài sản thuần có gốc EUR của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.232,03	3.232,03
Tài sản thuần có gốc EUR	3.232,03	3.232,03

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	32.061.363.205	-
Phải thu khách hàng	59.366.370.723	-
Cộng	91.427.733.928	-

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản bảo đảm nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.624.639.641	-	35.191.148.394	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	72.556.733.854	-	72.556.733.854	-
Phải thu khách hàng	144.753.651.570	(4.321.926.631)	96.902.834.289	(4.315.708.536)
Các khoản phải thu khác	2.522.039.995	(1.646.068.395)	3.542.624.005	(1.646.068.395)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	24.000.000.000	-
Cộng	247.457.065.060	(5.967.995.026)	239.006.771.140	(5.961.776.931)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	25.799.608.119	95.397.468.135
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18.222.137.863	432.000.000.000
Các khoản phải trả khác	39.133.063.941	16.830.327.187
Cộng	83.154.809.923	544.227.795.322

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh lại số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Bích Hà
Tổng Giám đốc





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị (HĐQT) theo Điều lệ Công ty Petechim, HĐQT xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 với các nội dung chính như sau:

PHẦN I ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024

Trong năm 2024, Công ty Petechim tiếp tục nhận được sự hỗ trợ nhiều mặt từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOil), các cổ đông lớn, cũng như sự hợp tác của các khách hàng truyền thống, các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước.

Tuy nhiên, những diễn biến của căng thẳng địa chính trị thế giới, biến động của thị trường tài chính, tiền tệ toàn cầu buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ, cùng với đó là các biến động của giá dầu, thị trường năng lượng, lạm phát, tỷ giá ngoại tệ, chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn, chi phí leo thang, cũng như khó khăn trên thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản... đã tác động mạnh đến các hoạt động sản xuất, đầu tư và doanh nghiệp như Petechim.

Trong bối cảnh đó, Petechim với hạn chế về mọi nguồn lực đã phải đối mặt với cạnh tranh rất gay gắt. HĐQT đã chỉ đạo và cùng Ban điều hành hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nỗ lực vượt qua các thách thức, tuy nhiên kết quả kinh doanh không đủ bù đắp gánh nặng chi phí thường xuyên của Công ty, cụ thể như sau:

I. Công tác quản trị doanh nghiệp:

1. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh doanh 2024:

- Duy trì tốt các hoạt động thương mại truyền thống: từ thượng nguồn đến hạ nguồn của ngành Dầu khí, Điện... để có doanh thu lợi nhuận và phát huy, bảo vệ thương hiệu Petechim trong ngành Năng lượng.
- Tích cực đa dạng hoá kinh doanh, mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực khác, khai thác các thị trường mới, các sản phẩm mới.
- Kiên trì xây dựng hoạt động dịch vụ làm nền tảng để từng bước xây dựng được các hoạt động cốt lõi, khắc phục các hạn chế của hoạt động thương mại thuần túy: cạnh tranh khốc liệt trong khi biên lợi nhuận rất nhỏ.
- Tham gia các dự án của cổ đông lớn trong lĩnh vực dầu khí - năng lượng tái tạo, đặc biệt, đầu tư nguồn lực cho phát triển các lĩnh vực mới để tận dụng các cơ hội kinh doanh.
- Quyết liệt trong quản lý dự án và thực hiện hiệu quả các hợp đồng hiện có, quyết liệt trong công tác đấu thầu để ký kết được các hợp đồng mới;



- Tăng cường tiếp thị & Marketing, quan hệ đối tác, khách hàng để xây dựng uy tín và vị thế với đối tác/khách hàng. Ký kết thỏa thuận hợp tác với các nhà sản xuất và cung cấp thiết bị vật tư... để gia tăng năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường.
- Nhìn chung, Petechim đã rất quyết liệt trong mọi hành động để triển khai kế hoạch kinh doanh, nỗ lực tham gia đấu thầu để tìm cơ hội ký được hợp đồng và tích lũy thu nhập qua từng đơn hàng. Tuy nhiên, xác suất trúng thầu thấp, đặc biệt là những gói thầu lớn, chuẩn bị trong thời gian dài, được đặt nhiều kỳ vọng nhưng đấu thầu không thành công, khiến cho khối lượng hợp đồng ký được trong năm giảm sút.
- Kết quả hợp nhất mà Công ty Petechim đã thực hiện trong năm 2024 như sau:
 - Giá trị tổng tài sản: 328,26 tỷ đồng;
 - Tổng doanh thu và các khoản thu nhập khác: 815,69 tỷ đồng, tương đương 85% kế hoạch năm 2024 và bằng 453% so với cùng kỳ năm trước;
 - Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp: 3,29 tỷ đồng;
 - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: 2,23 tỷ đồng;
 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 12 đ/CP;
 - Tỷ lệ chi trả cổ tức: 0%;

Nguyên nhân chính của việc chưa hoàn thành kế hoạch được giao là:

- Năng lực cạnh tranh của Petechim hạn chế về cả nguồn lực con người, cơ sở vật chất lẫn tiềm lực về tài chính. Tỷ lệ đấu thầu thành công rất thấp, chủ yếu do giá không cạnh tranh, các hợp đồng ghi nhận doanh thu trong kỳ có giá trị và lợi nhuận không cao.
 - Việc phát triển kinh doanh đã được triển khai tích cực, đã mang lại một số kết quả ban đầu song cần thời gian để phát triển ổn định và chưa mang lại hiệu quả như mong đợi.
2. Chỉ đạo xử lý quyết liệt, dứt điểm nợ xấu và các tồn đọng kéo dài.
- Chỉ đạo và yêu cầu Ban Điều hành quyết liệt xử lý dứt điểm các khoản nợ xấu còn lại để thu hồi vốn và lành mạnh hoá các chỉ số tài chính của Công ty và không để phát sinh các tồn đọng, công nợ kéo dài mới
3. Chỉ đạo công tác quản lý tài chính:
- Quản lý chặt chẽ Dòng tiền để đảm bảo tính thanh khoản cho HĐ/DA của Công ty. Đảm bảo thu xếp vốn cho hoạt động SXKD.
 - Thực hiện tiết giảm tối đa mọi chi phí, đặc biệt chi phí quản lý và chi phí hoạt động để giảm giá thành, tăng khả năng thắng thầu và hiệu quả SXKD của Công ty.
 - Quản lý chặt chẽ rủi ro về tài chính.
4. Tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược:
- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết, liên doanh với các đối tác chiến lược để nâng cao vị thế, năng lực cạnh tranh, khả năng thắng thầu và tìm kiếm cơ hội kinh doanh mới cho Petechim.
5. Chỉ đạo công tác tái cấu trúc bộ máy tổ chức, quản trị công ty:
- Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc để có bộ máy tinh gọn, chuyên nghiệp. Xây dựng môi trường làm việc tích cực, lành mạnh, trách nhiệm gắn kết giữa lợi ích của Công ty

và lợi ích của người lao động, đồng thời bổ sung nguồn nhân lực mới, cũng như có giải pháp sử dụng hiệu quả nguồn lực từ bên trong thông qua các Task force và từ bên ngoài thông qua hệ thống cố vấn/cộng tác viên...

- Mặc dù công tác này đã được thực hiện và có những chuyển biến tích cực song cần được tiếp tục triển khai trong năm 2025.

6. Chỉ đạo công tác đầu tư:

- Petechim còn đầu tư góp vốn vào 04 doanh nghiệp: 01 công ty con PAIC và 3 công ty liên kết với tổng số tiền 45,96 tỷ đồng.

II. Công tác giám sát Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý:

Hội đồng quản trị Petechim đã thực hiện giám sát các hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý thông qua việc:

1. Tham dự và có ý kiến chỉ đạo tại các cuộc họp giao ban và các cuộc họp quan trọng khác của Ban Tổng giám đốc.
2. Theo dõi sát sao tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty thông qua các báo cáo định kỳ của Ban Tổng giám đốc.

Qua đó theo dõi và nắm bắt tốt hơn tình hình hoạt động để có thể đề ra các quyết sách kịp thời, đảm bảo duy trì và tăng cường cơ chế quản trị rủi ro cho hoạt động của Petechim.

Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng các định hướng chiến lược kinh doanh đã được ĐHĐCĐ xác định và các Nghị quyết của HĐQT/ĐHĐCĐ, đã bám sát được khách hàng/đối tác. Việc phát triển thị trường và các hoạt động kinh doanh mới, cũng như xúc tiến xây dựng các quan hệ hợp tác, liên doanh/liên kết...; đã ghi nhận những tiến triển tích cực. Cung cách và không khí làm việc của Công ty đã được cải thiện theo hướng năng động & trách nhiệm.

HQQT đánh giá cao Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã thực hiện nhiệm vụ theo đúng phân cấp giữa HĐQT và Ban Tổng giám đốc và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành trong năm 2024.

III. Kết quả hoạt động của HĐQT:

1. Cơ cấu HĐQT:

Số lượng Thành viên HĐQT: Hiện tại là 03 thành viên, gồm

- + Ông Võ Khánh Hưng - Chủ tịch
- + Ông Trần Đức Chính - Thành viên
- + Ông Nguyễn Trung Kiên - Thành viên

2. Tổ chức các cuộc họp theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn:

- HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2024 vào ngày 25/4/2024.
- HĐQT đã họp và ban hành 02 Nghị quyết/Quyết định để thực hiện vai trò định hướng, chỉ đạo các hoạt động của Công ty.

3. Đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT:

- Các thành viên HĐQT hoạt động rất tích cực, tâm huyết và trách nhiệm; tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự nhất trí và đồng thuận cao

477.
NG
PH
ONG
ĐAU
7-TP

của các thành viên vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của Petechim.

4. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, Ban KS:

Thực hiện Nghị quyết số 22/NQ-TMDK ngày 25/04/2024 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, Petechim đã thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS Công ty năm 2024 theo định kỳ hàng quý với tổng số tiền là 213.000.000 đồng (trong đó: Chủ tịch HĐQT là 60.000.000 đồng, thành viên HĐQT là 69.000.000 đồng, Trưởng BKS là 36.000.000 đồng, thành viên BKS là 48.000.000 đồng).

5. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty Petechim, công ty con, công ty do Công ty Petechim nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty Petechim với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Công ty chỉ phát sinh giao dịch khác với Tổng Công ty Dầu Việt Nam là lãi trả chậm với số tiền là 480.085.667 VNĐ (số năm trước là 787.935.799 VNĐ).

PHẦN II

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Trong năm 2025, HĐQT sẽ tiếp tục thực hiện và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Petechim thực hiện đúng các mục tiêu và định hướng chiến lược, chương trình hành động được ĐHĐCĐ thường niên quyết định. Cụ thể:

Mục tiêu chiến lược: Lấy phát triển để ổn định bằng cách chuyển đổi sang các lĩnh vực mới để thay thế mảng thương mại dầu khí; Xây dựng hoạt động cung ứng dịch vụ logistics, xuất nhập khẩu uỷ thác thành hoạt động cốt lõi, bền vững và hiệu quả, tạo ra lợi nhuận / lợi ích cho chủ sở hữu, duy trì thu nhập tốt cho người lao động.

Kế hoạch hành động: Tích cực và quyết liệt trong tất cả các lĩnh vực để phát triển đột phá, đạt được mục tiêu và kế hoạch được giao. Lộ trình thực hiện phải có tính khả thi dựa trên tiến độ triển khai của các Dự án, điều phối linh hoạt các nguồn lực, vừa duy trì hoạt động của Công ty được ổn định để có nguồn trang trải kinh phí thường xuyên, đảm bảo vốn chủ sở hữu và chuẩn bị sẵn sàng cho việc chuyển sang các lĩnh vực mới khi có cơ hội.

Các nhiệm vụ cụ thể năm 2025:

1. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu chính như sau:

Kế hoạch riêng của Công ty Petechim

Stt	Chỉ tiêu	KH năm 2025 dự kiến (VNĐ)
1	Doanh thu	250.000.000.000
2	Tổng chi phí chưa bao gồm chi phí lương	237.300.000.000
3	Tổng quỹ lương	11.200.000.000
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	1.500.000.000
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.500.000.000
6	Tỷ lệ chia cổ tức (Dự kiến)	0%

Kế hoạch hợp nhất Công ty con của Petechim

Stt	Chỉ tiêu	KH năm 2025 dự kiến (VNĐ)
1	Tổng doanh thu	370.000.000.000
2	Tổng chi phí	362.500.000.000
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	7.500.000.000
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	6.500.000.000

2. Chỉ đạo tiếp tục thực hiện các định hướng và giải pháp kinh doanh:

Để thực hiện được các mục tiêu dài hạn và kế hoạch 2025, chúng ta sẽ phải tiếp tục hành động quyết liệt trong tất cả các lĩnh vực hoạt động sau đây:

- i. Thứ nhất, lĩnh vực Thương mại:
 - Tiếp tục tham gia cung ứng vật tư, thiết bị và dịch vụ cho các đối tác lớn trong ngành Dầu khí.
 - Mở rộng hoạt động thương mại và cung ứng dịch vụ ra thị trường mới ngoài ngành Dầu khí, tham gia các ngành công nghiệp khác, khối cảng biển, sân bay,...
- ii. Thứ hai, lĩnh vực dịch vụ:
 - Ngoài các hoạt động dịch vụ dầu khí, chú trọng phát triển các dịch vụ khác như cung ứng nhiên liệu, dịch vụ hàng hải, dịch vụ kỹ thuật dầu khí, đại lý tàu,...
 - Khôi phục dịch vụ vận tải hàng hoá bằng đường hàng không để đáp ứng nhu cầu xuất nhập khẩu hàng hoá quốc tế và sự tăng trưởng của thương mại điện tử toàn cầu.
 - Phối hợp với các đối tác chiến lược để khai thác dịch vụ logistics, xuất nhập khẩu ủy thác, khai thác kho bãi, ...
 - Tìm cơ hội triển khai hoạt động dịch vụ hậu cần hàng không, tham gia việc mua sắm vật tư, thiết bị, phụ tùng và cung ứng dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa tàu bay, nhiên liệu hàng không.
 - Phối hợp với Công ty con PAIC để tham gia tích cực và hiệu quả với vai trò tư vấn, quản lý dự án, cung cấp nhân sự và dịch vụ bảo trì bảo dưỡng cho các dự án liên quan đến CNTT, ERP, chuyển đổi số và đổi mới công nghệ trên phạm vi cả nước.
- iii. Thứ ba, lĩnh vực đầu tư:
 - Thúc đẩy việc tái cấu trúc danh mục đầu tư và việc thoái vốn của PVOIL tại để thuận tiện cho việc chuyển sang các lĩnh vực hoạt động mới.
 - Tận dụng sự ủng hộ của cổ đông lớn để nắm bắt cơ hội đầu tư phù hợp với năng lực của Công ty, qua đó chủ động tạo ra thị trường cho hoạt động thương mại và dịch vụ truyền thống của Petechim.
- iv. Thứ tư, công tác tiếp thị và phát triển thị trường:
 - Kiên trì thực hiện định hướng liên doanh, liên kết với các đối tác chiến lược để gia tăng năng lực cạnh tranh và mở rộng kinh doanh sang các lĩnh vực mới với mục tiêu tận dụng tối đa nguồn lực, kinh nghiệm và quan hệ để tích lũy doanh thu và lợi nhuận.
 - Đẩy mạnh dịch vụ tư vấn bán hàng và đại lý phân phối sản phẩm tại Việt Nam
- v. Thứ năm, lĩnh vực tài chính: Quản lý sát sao, tiết kiệm chi phí, có biện pháp phòng ngừa rủi ro và đảm bảo thu xếp vốn cho hoạt động SXKD; Quyết liệt để giải quyết dứt

điểm tồn đọng và nợ xấu, thu hồi vốn và lành mạnh hoá tình hình tài chính của Công ty; Chú trọng công tác quản lý dự án để thanh quyết toán HĐ đúng hạn và bảo toàn hiệu quả kinh doanh, tránh phát sinh tồn đọng hoặc công nợ mới.

vi. Thứ sáu, công tác tái cấu trúc:

- Tiếp tục chương trình tái cấu trúc, củng cố chất lượng đội ngũ nhân sự để có bộ máy tinh gọn, chuyên nghiệp.
- Hoàn thiện và áp dụng quy chế lương/thưởng phù hợp, lấy yếu tố con người làm động lực chính cho sự phát triển của Công ty.
- Không ngừng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy mô hình task force để phát huy nội lực và sức mạnh tập thể trong các HĐ/Dự án trọng điểm.

Kính thưa quý vị đại biểu và quý cổ đông!

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2024 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2025 của HĐQT Petechim.

Kính đề nghị các quý cổ đông xem xét, thảo luận và quyết nghị.

Kính chúc quý vị đại biểu, quý cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT (để biết, phối hợp);
- Lưu VT, HĐQT, VTH (03).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Võ Khánh Hưng

PHỤ LỤC
(Đính kèm Báo cáo của HĐQT số...../BC-TMDK, ngày 28/3/2025)

STT	Biên bản họp	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung	Ghi chú
1	BBH số 1A/BB-TMDK ngày 19/01/2024		- Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024. - Báo cáo tài chính năm 2023	
2	BBH số 8C/BB-TMDK Ngày 29/03/2024		Thông qua thời gian, địa điểm, hình thức và chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 và các văn kiện họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	
3	BBH số 16/BB-TMDK ngày 17/04/2024		Rà soát công tác chuẩn bị Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024	
4	BBH số 24/BB-TMDK Ngày 15/05/2024		Họp giao ban giữa HĐQT và Ban điều hành - Sơ kết tình hình thực hiện kế hoạch SXKD tháng 04/2024 - Kế hoạch hành động tháng 05/2024	
5	BBH số 29A/BB-TMDK ngày 12/08/2024		Họp giao ban giữa HĐQT và Ban điều hành - Sơ kết tình hình thực hiện kế hoạch SXKD tháng 07 tháng đầu năm - Triển khai kế hoạch kinh doanh 05 tháng cuối năm	
6		36/NQ-TMDK ngày 17/10/2024	Phê duyệt việc cấp hạn mức tín dụng giao dịch tại Ngân hàng năm 2024	
7		40C/NQ-TMDK ngày 17/10/2024	Ký hợp đồng với đối tác	
8	BBH số 38/BB-TMDK ngày 18/11/2024		Họp giao ban giữa HĐQT và Ban điều hành - Đánh giá kết quả SXKD tháng 10 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2024 - Kế hoạch kinh doanh SXKD năm 2025	





BÁO CÁO KIỂM SOÁT NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát theo Điều lệ của Công ty CP Thương mại Dầu khí, Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 kết quả hoạt động kiểm soát và kết quả kinh doanh năm 2024 như sau:

PHẦN 1 BÁO CÁO KIỂM SOÁT NĂM 2024

A. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ:

I. Thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát trong năm 2024:

1. Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận năm 2024 của Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) và Ban Điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2024 theo các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2024.
2. Kiểm tra và giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Điều hành.
3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo 6 tháng và Báo cáo tài chính của Công ty năm 2024 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Trong năm 2024, Ban Kiểm Soát đã tổ chức các cuộc họp của Ban Kiểm Soát, bao gồm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2024.

II. Kết quả giám sát

1. Trong năm 2024, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ pháp luật Nhà nước; quản lý điều hành Công ty theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Ban kiểm soát không thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty.
2. Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng qui định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các Cổ đông. HĐQT đã bám sát các mục tiêu, định hướng Đại hội đồng cổ đông đã thông qua để đưa ra các giải pháp và chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ cụ thể.
3. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã có sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT và được Tổng Giám đốc tổ chức triển khai một cách nghiêm túc.



4. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã trực tiếp chỉ đạo, hoặc ban hành và triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định để các Phòng chức năng triển khai thực hiện.

III. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Cổ đông

BKS được cung cấp đầy đủ thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.

Các ý kiến của cổ đông được giải thích rõ ràng, trung thực.

B. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

I. Báo cáo tài chính năm 2024

1. Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính năm 2024 đã được Ban Tổng Giám đốc và Phòng Tài chính - Kế toán của Công ty lập và Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
2. Báo cáo tài chính năm 2024 được lập đầy đủ mẫu biểu theo quy định, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan, đồng thời phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024.
3. Tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí tại ngày 31/12/2024:
 - a) Vốn điều lệ 200 tỷ đồng tương ứng với 20.000.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 VNĐ. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại sàn UPCOM với mã chứng khoán PTV và chính thức giao dịch từ ngày 05/11/2019.
 - b) Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024. (Xem chi tiết tại Báo cáo về các nội dung tài chính).
 - c) Tình hình tài chính riêng của Công ty Petechim năm 2024. (Xem chi tiết tại Báo cáo về các nội dung tài chính).
 - d) Kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty Petechim năm 2024. (Xem chi tiết tại Báo cáo về các nội dung tài chính).

Nhận xét: Năm 2024, Công ty Petechim tiếp tục ghi nhận các chỉ tiêu chính như sau:

- Doanh thu năm 2024 đạt được 713,48 tỷ đồng tương ứng 85% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2024 là 0,28 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2024 là 0,28 tỷ đồng.

e) Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2024. (Xem chi tiết tại Báo cáo về các nội dung tài chính).

Nhận xét:

- Tổng doanh thu hợp nhất năm 2024 đạt được 815,69 tỷ đồng tương ứng 85% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt được 3,29 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế 2024 đạt được 2,23 tỷ đồng.

4. Tình hình sử dụng TSCĐ: Công ty đang cho thuê một phần diện tích trụ sở văn phòng tại quận 7, Tp.HCM để tạo nguồn bù đắp chi phí hoạt động.

5. Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Petechim còn đầu tư góp vốn vào 04 doanh nghiệp: công ty con PAIC và 3 công ty liên kết với tổng số tiền 45,96 tỷ đồng.

Trong năm 2024, công ty không thực hiện đầu tư đầu tư XDCB và mua sắm TSCĐ.

6. Phát triển kinh doanh dịch vụ: Petechim tiếp tục cung ứng dịch vụ vận chuyển và logistics một cách đa dạng hơn, bao gồm cả trong, ngoài ngành dầu khí. Công ty vẫn kiên trì thực hiện định hướng liên doanh, liên kết với các đối tác chiến lược để gia tăng năng lực cạnh tranh và mở rộng kinh doanh sang các lĩnh vực mới với mục tiêu tận dụng tối đa nguồn lực, kinh nghiệm và quan hệ để tích lũy doanh thu và lợi nhuận.

II. Kiểm soát công nợ phải thu, phải trả:

Dư nợ cuối kỳ (31/12/2024) của Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC) là 24,971 tỷ đồng.

Công ty cần có biện pháp mạnh mẽ để thu hồi.

III. Giao dịch với bên/người có liên quan:

Căn cứ quy định tại khoản 4 điều 290 nghị định 155/2020/NĐ-CP, các bên liên quan với Công ty gồm:

1. Các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

- Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt: Không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác.
- Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt: Không có công nợ.
- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt: Trong năm là 1.026.759.000 VNĐ (năm trước là 824.576.315 VNĐ)

2. Các bên liên quan khác:

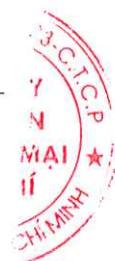
Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cổ đông góp 29% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trảng An	Cổ đông góp 23,1% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Công ty con

- Công ty phát sinh giao dịch khác với Tổng Công ty Dầu Việt Nam là lãi trả chậm với số tiền là 480.085.667 VNĐ (số năm trước là 787.935.799 VNĐ)

C. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

I. Nhân sự Ban kiểm soát:

- Công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Công ty, để giúp phát hiện và khắc phục kịp thời những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động và hệ thống kiểm soát nội bộ. Công việc cụ thể như sau:
- Trưởng Ban Kiểm soát – Bà Đoàn Thu Hương
 - + Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản Trị, đề xuất những ý kiến đóng góp cho HĐQT và ban lãnh đạo Công ty



- + Phân công nhiệm vụ, giám sát hoạt động của Kiểm soát viên.
- Kiểm soát viên (bao gồm Ông Ngô Thế Anh và Bà Trần Mộng Thùy Trang)
 - + Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2024, đồng thời giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, cũng như tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.
 - + Thẩm định các báo cáo tài chính và lập báo cáo Ban kiểm soát hàng quý, cả năm.

II. Thù lao Ban Kiểm soát:

Tiền thù lao đã chi trả cho BKS năm 2024 là **84.000.000 VNĐ**. Trong đó:

- Thù lao của Trưởng ban Kiểm soát: 3.000.000 VNĐ/người/tháng
- Thù lao của Kiểm soát viên: 2.000.000 VNĐ/người/tháng.

PHẦN 2 KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. Kế hoạch hoạt động:

1. Tham gia tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, đảm bảo quy trình diễn ra minh bạch, hiệu quả.
2. Kiểm tra, giám sát HĐQT, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý trong công tác điều hành, quản lý hoạt động kinh doanh, đầu tư và xây dựng của Công ty..
3. Giám sát công tác kế hoạch, thực hiện kế hoạch, kiểm tra báo cáo tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
4. Kiểm tra định kỳ hàng tháng, hàng quý và đột xuất liên quan đến công tác tổ chức; thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.
5. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban lãnh đạo công ty.
6. Thảo luận, giải quyết các vấn đề khó khăn, tồn đọng từ kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ và các nội dung quan trọng do kiểm toán viên độc lập đề xuất.
7. Tiếp nhận, xử lý thông tin từ cổ đông, đảm bảo kênh đối thoại minh bạch và giải quyết các đề xuất, kiến nghị kịp thời.

II. Kiến nghị của Ban Kiểm soát:

1. Ban Kiểm soát kiến nghị Ban Điều hành khẩn trương đưa ra các giải pháp phù hợp để giải quyết dứt điểm các tồn đọng công nợ, đồng thời tăng cường các biện pháp kiểm soát nhằm hạn chế tối đa công nợ xấu để lành mạnh các chỉ số tài chính.
2. Chú trọng công tác quản trị giao dịch trong quản lý cổ phiếu trên sàn Upcom.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT, BKS.


**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Đoàn Thu Hương



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 55 /TTr-TMDK

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn công ty kiểm toán
cho dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Liên quan đến việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim (BKS Petechim) xin báo cáo như sau:

Căn cứ vào các tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập:

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết năm 2025;
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với công ty đã niêm yết;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng yêu cầu về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

Ban Kiểm soát Petechim đề nghị lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C là công ty kiểm toán cho Petechim năm 2025 do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đáp ứng các tiêu chí trên. Bên cạnh đó, trên cơ sở thực tế dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022, 2023, 2024 do A&C đã thực hiện có chất lượng tốt, hoàn thành đúng tiến độ và giá cả phù hợp với thị trường.

Ban Kiểm soát Petechim kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Petechim xem xét và phê duyệt đề xuất nêu trên để Ban Kiểm soát Petechim có cơ sở triển khai việc kiểm toán theo đúng tiến độ yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Xin chân thành cảm ơn,

Nơi nhận

- Như trên
- TGD (để p/h)
- Lưu: VT, BKS – 1b



Đoàn Thu Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Số: 56 /TTr-TMDK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế tài chính (sửa đổi, bổ sung)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Vừa qua, Quốc hội và các cơ quan Nhà nước đã ban hành các văn bản liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp như sau:

- **Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14** được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;
- **Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14** được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;
- **Nghị định số 155/2020/NĐ-CP** ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty CP Thương mại Dầu khí sửa đổi, bổ sung lần thứ 10, tháng 4/2022;

Để Quy chế của Công ty CP Thương mại Dầu khí phù hợp với các văn bản nêu trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy chế Tài chính Công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ 01 (*chi tiết như bản dự thảo đính kèm*).

Kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT (DTQA-03b)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Võ Khánh Hưng

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế tài chính (sửa đổi, bổ sung)
của Công ty CP Thương mại Dầu khí**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí ngày 18/04/2019 quy định quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Công ty Petechim;
- Xét đề nghị của Hội đồng quản trị Công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tài chính (sửa đổi, bổ sung) của Công ty CP Thương mại Dầu khí.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Trưởng các phòng chức năng Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thành viên HĐQT;
- Lưu VT, VP (02b).

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Võ Khánh Hưng

QUY CHẾ TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ (PETECHIM)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/QĐ-TMDK ngày 23/04/2025 của ĐHĐCĐ Công ty
Cổ phần Thương mại dầu khí).

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Đối tượng, phạm vi áp dụng

- 1.1 Quy chế này quy định công tác quản lý tài chính của Công ty CP Thương mại dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”), do Hội đồng quản trị quyết định ban hành nhằm phục vụ hoạt động quản lý về mặt tài chính của Công ty trong quá trình hoạt động.
- 1.2 Ngoài những nội dung quy định tại Quy chế này, việc quản lý tài chính của Công ty được thực hiện theo các quy định Pháp luật hiện hành và phù hợp với Điều lệ Công ty.

Điều 2: Giải thích từ ngữ

- 2.1 **Luật Doanh nghiệp:** được hiểu là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- 2.2 **Luật Kế toán:** Được hiểu là Luật Kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- 2.3 **Công ty** là Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định Pháp luật hiện hành.
- 2.4 **Điều lệ** là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và tất cả những văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế sau này do Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.
- 2.5 **HĐQT** là Hội đồng quản trị Công ty.
- 2.6 **Chủ tịch HĐQT** là chủ tịch HĐQT Công ty do HĐQT bầu ra.
- 2.7 **TGĐ** là Tổng giám đốc Công ty.
- 2.8 **TSCĐ** là tài sản cố định của Công ty.
- 2.9 **Ban kiểm soát** là Ban kiểm soát của Công ty, có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- 2.10 **Vốn** bao gồm vốn Điều lệ, vốn huy động và các loại vốn khác của Công ty theo quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
- 2.11 **Vốn Điều lệ** là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và được cổ đông thanh toán đầy đủ, được ghi vào Điều lệ của Công ty.
- 2.12 **Vốn huy động** là số vốn Công ty huy động theo các hình thức: phát hành trái phiếu, vay của tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các hình thức huy động khác mà Pháp luật hiện hành không cấm.

- 2.13 **Nghệp vụ kinh tế, tài chính** được hiểu là những hoạt động phát sinh cụ thể làm tăng, giảm tài sản, nguồn hình thành tài sản của Công ty.
- 2.14 **Kỳ kế toán** được hiểu là khoảng thời gian xác định từ thời điểm Công ty bắt đầu ghi sổ kế toán đến thời điểm kết thúc việc ghi sổ kế toán, khoá sổ kế toán để lập báo cáo tài chính theo quy định Pháp luật về kế toán.
- 2.15 **Chứng từ kế toán** được hiểu là những giấy tờ và vật mang tin theo quy định của Pháp luật về kế toán, phản ánh nghiệp vụ kinh tế, tài chính đã phát sinh và hoàn thành, làm căn cứ ghi sổ kế toán và đảm bảo tính pháp lý của thông tin kế toán.
- 2.16 **Tài liệu kế toán** được hiểu là chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán và tài liệu khác có liên quan đến kế toán, bao gồm cả tài liệu dạng giấy và tài liệu điện tử theo quy định của Pháp luật liên quan.
- 2.17 **Tài sản của Công ty** được hiểu là các nguồn lực kinh tế thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty, bao gồm: tài sản lưu động, tài sản cố định, các khoản đầu tư tài chính dài hạn, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn và các quyền tài sản khác theo quy định Pháp luật.
- 2.18 **Bất khả kháng** là các sự kiện khách quan nằm ngoài tầm kiểm soát của con người, gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty. Bao gồm nhưng không giới hạn như: thiên tai (cháy nổ, bão lũ, động đất), sự kiện xã hội (đình công, bạo loạn, chiến tranh), hoặc các quy định mới từ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, hoặc nguyên nhân khác mà Công ty không thể lường trước hoặc không thể khắc phục dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết..
- 2.19 **Pháp luật** được hiểu là các Bộ luật, Luật, Nghị định, Thông tư và các văn bản hướng dẫn thi hành có giá trị pháp lý do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và được áp dụng với Công ty.

Điều 3: Các nguyên tắc tài chính kế toán

- 3.1 Công ty thống nhất áp dụng một chế độ tài chính và kế toán theo quy định tại Điều lệ Công ty. Chế độ này tuân thủ các quy định hiện hành của Pháp luật và được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 3.2 Công ty thực hiện chế độ hạch toán tổng hợp, tự chủ tài chính trong kinh doanh phù hợp với các quy định của Pháp luật, của Điều lệ và của Quy chế này. Công ty có trách nhiệm quản lý, bảo toàn và phát triển các nguồn vốn kinh doanh.
- 3.3 Công ty có trách nhiệm nộp các khoản thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật và phù hợp với Quy chế này.
- 3.4 Công ty thực hiện quyền quản lý tài chính bằng việc kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính toàn Công ty trong việc tuân thủ các quy định của Quy chế này.
- 3.5 Công ty có quyền thay đổi cơ cấu vốn, tài sản phù hợp với chiến lược kinh doanh.

Điều 4: Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận kế toán

- 4.1 Bộ phận kế toán là đầu mối xử lý các nghiệp vụ kinh tế, tài chính trong Công ty, trong phạm vi chức năng của mình, chịu trách nhiệm trước TGD và HĐQT về nghiệp vụ kế toán và việc quản lý, sử dụng hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán.

4.2 Bộ phận kế toán có các nhiệm vụ cụ thể như sau:

- a) Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán.
- b) Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản.
- c) Phân tích thông tin, số liệu kế toán; tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của Công ty.
- d) Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của Pháp luật.
- e) Các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế này.

CHƯƠNG II: CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 5: Chế độ kế toán áp dụng

- 5.1 Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho Công ty bao gồm chế độ chứng từ kế toán và chế độ tài khoản do Bộ Tài Chính quy định.
- 5.2 Công ty có trách nhiệm thực hiện theo đúng các nguyên tắc kế toán, thống kê theo quy định của Pháp luật hiện hành. Mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh liên quan đến vấn đề chi tiêu trong Công ty đều phải lập chứng từ gốc theo mẫu của Công ty và ghi chép đầy đủ, liên tục phản ánh chính xác, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- 5.3 Chế độ chứng từ kế toán phải có đầy đủ các yếu tố theo quy định của Pháp luật. Những chứng từ phản ánh quan hệ kinh tế giữa Công ty và các pháp nhân khác phải có chữ ký của người kiểm soát (kế toán trưởng) và người phê duyệt (TGD hoặc cá nhân được ủy quyền), đóng dấu Công ty. Đối với những chứng từ liên quan đến việc bán hàng, cung cấp dịch vụ thì ngoài những yếu tố đã quy định phải có thêm chỉ tiêu: thuế suất và số thuế phải nộp, tuân thủ quy định về hóa đơn.
- 5.4 Việc cung cấp thông tin, chứng từ, sổ sách kế toán ra bên ngoài Công ty chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của TGD hoặc do Pháp luật quy định.

Điều 6: Kỳ kế toán

- 6.1 Kỳ kế toán được áp dụng là kỳ kế toán năm. Kỳ kế toán năm là mười hai tháng, tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.
- 6.2 Kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đến hết ngày cuối cùng của kỳ kế toán năm theo quy định tại Khoản 6.1 Điều này.

Điều 7: Bảo quản và lưu trữ tài liệu kế toán

- 7.1 Loại tài liệu kế toán lưu trữ
 - a) Chứng từ kế toán;
 - b) Sổ kế toán chi tiết, Sổ kế toán tổng hợp;

- c) Báo cáo tài chính;
 - d) Tài liệu khác có liên quan đến kế toán như: Các loại Hợp đồng; Quyết định bổ sung vốn từ lợi nhuận, phân phối các quỹ từ lợi nhuận; Quyết định miễn, giảm thuế, hoàn thuế, truy thu thuế; Báo cáo kết quả kiểm kê và đánh giá tài sản; Các tài liệu liên quan đến kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; Các tài liệu liên quan đến giải thể, phá sản, chia, tách, sáp nhập, chấm dứt hoạt động, chuyển đổi hình thức sở hữu; Biên bản tiêu hủy tài liệu kế toán và các tài liệu khác có liên quan đến kế toán.
- 7.2 Bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán
- a) Tài liệu kế toán phải được bảo quản đầy đủ, an toàn trong quá trình sử dụng. Nhân viên bộ phận kế toán có trách nhiệm bảo quản tài liệu kế toán của mình trong quá trình sử dụng.
 - b) Tài liệu kế toán lưu trữ phải là bản chính theo quy định của Pháp luật cho từng loại tài liệu kế toán. Trường hợp tài liệu kế toán bị tạm giữ, bị tịch thu, bị mất hoặc bị hủy hoại thì phải có biên bản kèm theo bản sao chụp tài liệu bị tạm giữ, bị tịch thu, bị mất hoặc bị hủy hoại.
 - c) Những loại chứng từ kế toán chỉ có một bản chính nhưng cần phải lưu giữ ở cả hai nơi thì một trong hai nơi được lưu giữ bản sao chứng từ sao chụp.
 - d) Tài liệu kế toán được lưu trữ phải đầy đủ, có hệ thống, phải phân loại, sắp xếp thành từng bộ hồ sơ riêng theo thứ tự thời gian phát sinh và theo kỳ kế toán năm.
- 7.3 Tài liệu kế toán được lưu trữ tại Phòng kế toán và kho tài liệu của Công ty do Văn phòng quản lý.
- 7.4 Thời hạn lưu trữ tài liệu kế toán: theo quy định của Pháp luật kế toán hiện hành.
- 7.5 Tiêu hủy tài liệu kế toán: Việc tiêu hủy tài liệu kế toán được áp dụng theo quy định chung của Công ty về lưu trữ và tiêu hủy tài liệu.

Điều 8: Biểu mẫu chứng từ kế toán:

- 8.1 Biểu mẫu chứng từ kế toán áp dụng cho Công ty gồm:
- a) Chứng từ kế toán gồm 5 chỉ tiêu:
 - (i) Chỉ tiêu lao động tiền lương;
 - (ii) Chỉ tiêu hàng tồn kho;
 - (iii) Chỉ tiêu bán hàng;
 - (iv) Chỉ tiêu tiền tệ;
 - (v) Chỉ tiêu TSCĐ
 - b) Các chứng từ kế toán khác.
- 8.2 Nội dung chứng từ kế toán:
- a) Tên và số hiệu của chứng từ kế toán;
 - b) Ngày, tháng, năm lập chứng từ kế toán;
 - c) Tên, địa chỉ của đơn vị hoặc cá nhân lập chứng từ kế toán;

- d) Tên, địa chỉ của đơn vị hoặc cá nhân nhận chứng từ kế toán;
 - e) Nội dung nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;
 - f) Số lượng, đơn giá và số tiền của nghiệp vụ kinh tế, tài chính ghi bằng số; tổng số tiền của chứng từ kế toán dùng để thu, chi tiền ghi bằng số và bằng chữ;
 - g) Chữ ký, họ và tên của người lập, người duyệt và những người có liên quan đến chứng từ kế toán.
- 8.3 Chứng từ kế toán phải được lập đầy đủ số liên theo quy định. Việc ghi chép chứng từ phải rõ ràng, trung thực, đầy đủ các yếu tố, gạch bỏ phần để trống, không được tẩy xóa, sửa chữa trên chứng từ. Trường hợp viết sai cần hủy bỏ, không xé rời ra khỏi cuốn.
- 8.4 Nghiêm cấm các hành vi sau:
- a) Người có thẩm quyền và kế toán trưởng/người phụ trách kế toán ký khống trên chứng từ trắng, mẫu in sẵn;
 - b) Người có thẩm quyền và kế toán trưởng/người phụ trách kế toán ký séc trắng;
 - c) Xuyên tạc nội dung kinh tế của chứng từ;
 - d) Sửa chữa, tẩy xóa trên chứng từ kế toán;
 - e) Hủy bỏ chứng từ khi chưa được phép;
 - f) Hợp pháp hóa chứng từ kế toán.
- 8.5 Ký chứng từ kế toán:
- a) Mọi chứng từ kế toán phải có đầy đủ chữ ký theo chức danh quy định trên chứng từ mới có giá trị thực hiện. Tất cả chữ ký trên chứng từ kế toán phải ký bằng bút bi hoặc bút mực, không được ký bằng mực đỏ, bằng bút chì.
 - b) Không được ký chứng từ kế toán khi chưa ghi hoặc chưa ghi đủ nội dung chứng từ theo trách nhiệm của người ký.
- 8.6 Trình tự luân chuyển chứng từ kế toán:
- Trình tự và thời gian luân chuyển chứng từ kế toán do kế toán trưởng quy định. Chứng từ gốc do đơn vị lập ra hoặc từ bên ngoài vào đều phải tập trung ở bộ phận kế toán. Bộ phận kế toán có trách nhiệm kiểm tra kỹ những chứng từ đó và chỉ sau khi kiểm tra và xác minh là đúng thì mới dùng những chứng từ đó để ghi sổ kế toán.
- Trình tự luân chuyển chứng từ kế toán phải được thực hiện theo quy định sau:
- a) Lập chứng từ kế toán và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế, tài chính vào chứng từ;
 - b) Kiểm tra chứng từ kế toán;
 - c) Ghi sổ kế toán;
 - d) Lưu trữ, bảo quản chứng từ kế toán.
- 8.7 Kiểm tra chứng từ kế toán
- a) Kiểm tra tính rõ ràng, trung thực, đầy đủ của các chỉ tiêu, phản ánh trên chứng từ;

- b) Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;
 - c) Kiểm tra tính chính xác của số liệu, thông tin trên chứng từ kế toán;
 - d) Kiểm tra việc chấp hành quy chế quản lý nội bộ của những người lập, kiểm tra, xét duyệt đối với từng loại nghiệp vụ kinh tế.
- 8.8 Khi kiểm tra chứng từ kế toán, nếu phát hiện có những sai sót hoặc có những vi phạm quy định của Công ty, bộ phận kế toán có trách nhiệm báo cho người có thẩm quyền để xử lý kịp thời.

Điều 9: Chế độ sổ kế toán

- 9.1 Công ty sử dụng hệ thống sổ sách kế toán theo năm tài chính, tuân thủ quy định của Pháp luật.
- 9.2 Sổ kế toán đã được thiết lập theo đúng mẫu quy định của Pháp luật trên phần mềm kế toán, bao gồm:
- a) Sổ kế toán tổng hợp gồm: Sổ Nhật ký, Sổ Cái;
 - b) Sổ kế toán chi tiết bao gồm các sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- 9.3 Nhân viên kế toán phải thực hiện hạch toán theo đúng hướng dẫn của phần mềm, đảm bảo đầy đủ và chính xác thông tin theo quy định của Chuẩn mực kế toán và quy định của Công ty.
- 9.4 Việc hạch toán kế toán phải căn cứ vào chứng từ kế toán. Mọi số liệu trên sổ kế toán bắt buộc phải có chứng từ kế toán hợp lệ, hợp pháp để chứng minh.
- 9.5 Sổ kế toán phải được quản lý chặt chẽ, phân công rõ ràng trách nhiệm cá nhân ghi sổ thông qua phân quyền trên phần mềm kế toán.

Điều 10: Hình thức kế toán

Hình thức kế toán được áp dụng là Chứng từ ghi sổ.

Điều 11: Báo cáo tài chính

- 11.1 Công ty lập báo cáo tài chính sau:
- a) Bảng cân đối kế toán;
 - b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - d) Thuyết minh báo cáo tài chính.
- 11.2 Nguyên tắc lập báo cáo
- Báo cáo tài chính được lập theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành nhằm tổng hợp và trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và dòng tiền của Công ty;
- 11.3 Các số liệu trong báo cáo tài chính phải được lập đầy đủ, chính xác, dựa trên dữ liệu sổ kế toán và tuân thủ Chuẩn mực kế toán cũng như quy định của Công ty. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc mỗi quý, Công ty sẽ phải hoàn thành việc

lập báo cáo tài chính để báo cáo đến các cơ quan quản lý và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

- 11.4 Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sẽ phải hoàn thành báo cáo tài chính.

CHƯƠNG III: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

MỤC 1: QUẢN LÝ SỬ DỤNG VỐN

Điều 12: Vốn Điều lệ

- 12.1 Vốn Điều lệ của Công ty là số vốn được ghi trong Điều lệ của Công ty, được hình thành bằng vốn góp thông qua hình thức phát hành cổ phiếu. Việc sử dụng, tăng, giảm vốn Điều lệ phải tuân thủ và phù hợp với quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- 12.2 Đại hội đồng Cổ đông Công ty quyết định tăng vốn Điều lệ của Công ty phù hợp với các quy định của Pháp luật nếu thấy cần thiết thông qua việc: tích lũy lợi nhuận mà Công ty thu được, các Cổ đông đầu tư vốn bổ sung, phát hành thêm cổ phiếu và các hình thức khác phù hợp theo quy định của Pháp luật hiện hành.
- 12.3 Việc giảm vốn Điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở vốn còn lại của Công ty nhưng vẫn đảm bảo Công ty hoạt động bình thường.

Điều 13: Huy động vốn

- 13.1 Ngoài vốn Điều lệ, Công ty có thể huy động vốn để phát triển kinh doanh, đảm bảo nguyên tắc an toàn tài chính. Việc huy động vốn phải tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành nhưng không được làm thay đổi hình thức sở hữu của Công ty.
- 13.2 Công ty được quyền huy động vốn dưới các hình thức: phát hành thêm cổ phiếu, vay vốn của các tổ chức tín dụng, vay vốn của các tổ chức, cá nhân, phát hành trái phiếu các loại, nhận vốn góp liên doanh, liên kết và các hình thức khác phù hợp quy định Pháp luật hiện hành liên quan để phục vụ nhu cầu hoạt động kinh doanh.
- 13.3 Thẩm quyền quyết định việc huy động vốn sẽ tuân theo quy định về phân cấp thẩm quyền trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- 13.4 TGD Công ty chịu trách nhiệm về mục đích và hiệu quả sử dụng vốn huy động, hoàn trả vốn và lãi theo đúng cam kết trong hợp đồng huy động vốn.
- 13.5 Việc huy động vốn phải tuân theo các quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Điều 14: Quản lý và sử dụng vốn

- 14.1 HĐQT và TGD Công ty có quyền quản lý và sử dụng linh hoạt toàn bộ số vốn các Cổ đông đã góp vốn và các nguồn vốn hợp pháp khác vào hoạt động kinh doanh với mục tiêu thu lợi nhuận, theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đồng thời chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông Công ty về bảo toàn vốn, về hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo quyền lợi cho các Cổ đông và người lao động trong Công ty.

- 14.2 Công ty thực hiện xây dựng phương án, kế hoạch đầu tư; kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm phù hợp với chiến lược, kế hoạch kinh doanh của Công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật.
- 14.3 Tài sản của Công ty phải được sử dụng phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty và chức năng của từng loại tài sản. Các cổ đông không có quyền sở hữu riêng đối với các tài sản của Công ty, kể cả những tài sản họ đã góp vào vốn Điều lệ của Công ty. Công ty lựa chọn các phương án đầu tư mua sắm TSCĐ, đổi mới thiết bị công nghệ hoặc thay đổi cơ cấu TSCĐ phù hợp với mục tiêu kinh doanh nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng tài sản và hiệu quả sử dụng vốn. Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm được thực hiện theo các quy định tại Điều lệ của Công ty.

Điều 15: Bảo toàn và phát triển vốn

Công ty có trách nhiệm bảo toàn vốn của Công ty bằng các biện pháp sau:

- 15.1 Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định;
- 15.2 Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của Pháp luật;
- 15.3 Thực hiện biện pháp đảm bảo bằng tài sản, bảo lãnh ngân hàng hoặc tín chấp (đối với khách hàng đủ điều kiện) trong các hoạt động cung cấp vật tư hàng hoá, dịch vụ cho khách hàng trả chậm.
- 15.4 Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo quy định và trích lập các khoản dự phòng rủi ro sau đây:
- a) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: là khoản giảm giá vật tư, hàng hoá tồn kho dự kiến sẽ xảy ra.
 - b) Dự phòng các khoản phải thu khó đòi: là các khoản phải thu dự kiến không thu được do khách nợ không có khả năng thanh toán.
 - c) Dự phòng các khoản giảm giá các khoản đầu tư dài hạn.
 - d) Các biện pháp khác về bảo toàn vốn theo quy định của Pháp luật.
- 15.5 TGD ban hành các quy định cụ thể về việc xử lý các tài sản tổn thất, các khoản nợ khó đòi và các khoản dự phòng.

Điều 16: Quản lý các khoản nợ phải trả

- 16.1 Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm cả các khoản lãi phải trả.
- 16.2 Thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn cam kết.
- 16.3 Đánh giá phân tích khả năng thanh toán nợ của Công ty, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ, có giải pháp khắc phục kịp thời, tránh để phát sinh các khoản nợ quá hạn.
- 16.4 Đối chiếu các khoản công nợ với chủ nợ, đồng thời tiến hành phân loại công nợ để kịp thời phát hiện các khoản nợ quá hạn, phân tích rõ nguyên nhân và có biện pháp xử lý kịp thời.
- 16.5 Xử lý hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá đối với nợ phải trả có gốc ngoại tệ theo qui định.

- 16.6 Đối với những khoản công nợ không rõ đối tượng hoặc có đối tượng nhưng thời gian trên 01 năm không có ai đòi, Kế toán trưởng phải báo cáo TGD Công ty để xử lý.
- 16.7 TGD chịu trách nhiệm tổ chức công tác quản lý công nợ phải trả và quyết định các biện pháp xử lý công nợ tồn đọng theo thẩm quyền.

Điều 17: Đầu tư ra ngoài Công ty

- 17.1 Công ty có quyền sử dụng vốn, tài sản, quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của Công ty để đầu tư ra ngoài Công ty theo quy định của Điều lệ và quy định Pháp luật hiện hành. Riêng việc sử dụng quyền sử dụng đất để đầu tư ra ngoài Công ty phải thực hiện theo quy định của Luật đất đai và các quy định Pháp luật liên quan.
- 17.2 Các hình thức đầu tư ra ngoài Công ty:
- a) Góp vốn để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới;
 - b) Mua cổ phần hoặc góp vốn tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh;
 - c) Mua lại công ty khác;
 - d) Mua trái phiếu để hưởng lãi;
 - e) Các hình thức đầu tư khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.
- 17.3 Đại hội đồng cổ đông quyết định đầu tư ra ngoài Công ty có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- 17.4 HĐQT quyết định đầu tư ra ngoài Công ty đối với các trường hợp còn lại. Trong phạm vi quyền hạn của mình, HĐQT phân cấp cho TGD quyết định việc mua trái phiếu, cổ phiếu theo phương án được HĐQT chấp nhận và phải tuân theo các quy định hiện hành của Pháp luật. Trong thời gian 15 ngày sau khi quyết định, TGD phải báo cáo HĐQT bằng văn bản.
- 17.5 TGD Công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trước HĐQT về tiến độ, chất lượng các dự án đã quyết định đầu tư.
- 17.6 Việc đầu tư ra ngoài Công ty phải tuân thủ các quy định của Pháp luật và phải đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tăng thu nhập và không làm ảnh hưởng đến mục tiêu hoạt động của Công ty.
- 17.7 Công ty không được đầu tư vào các doanh nghiệp khác mà người quản lý điều hành hoặc người sở hữu chính là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban TGD, Kế toán trưởng của Công ty.

Điều 18: Nhượng bán phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác

- 18.1 Công ty có thể chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn của Công ty đã đầu tư vào doanh nghiệp khác. Thẩm quyền quyết định việc chuyển nhượng này tương ứng với thẩm quyền đầu tư ra ngoài Công ty.

- 18.2 Đối với phần vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác, trình tự thủ tục chuyển nhượng, bán vốn đầu tư của Công ty được thực hiện theo Điều lệ của doanh nghiệp này, đảm bảo tuân thủ quy định Pháp luật hiện hành liên quan. Việc nhượng bán cổ phần hay số vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác thực hiện theo giá thị trường.

MỤC 2: QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN

Điều 19: Tài sản của Công ty

Tài sản của Công ty, bao gồm các tài sản hữu hình và tài sản vô hình, được hình thành thông qua việc nhận góp vốn, đầu tư, mua sắm... thuộc quyền sở hữu của Công ty, được Công ty sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục đích thu được lợi ích kinh tế.

Điều 20: Đầu tư và mua sắm tài sản tại Công ty

- 20.1 Việc đầu tư và mua sắm tài sản của Công ty phải tuân thủ theo đúng thủ tục, phù hợp với mục tiêu kinh doanh, nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng tài sản, mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.
- 20.2 Các khoản đầu tư và mua sắm tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- 20.3 Các khoản đầu tư và mua sắm tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty do HĐQT quyết định và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông.
- 20.4 Các khoản đầu tư và mua sắm tài sản có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, HĐQT phê duyệt chủ trương đầu tư, kế hoạch mua sắm hàng năm và phân cấp cho TGD quyết định và phải báo cáo HĐQT và Đại hội đồng cổ đông.
- 20.5 Trường hợp mua sắm tài sản đột xuất ngoài kế hoạch, HĐQT phân cấp cho TGD quyết định và sau khi thực hiện mua sắm phải báo cáo HĐQT nhưng không vượt quá 10% kế hoạch tài chính đã phê duyệt đầu năm.
- 20.6 Trình tự, thủ tục tiến hành các dự án đầu tư thực hiện theo qui định của Pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng và quy định Pháp luật liên quan. TGD có trách nhiệm tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trước HĐQT và Đại hội đồng cổ đông dự án đã quyết định đầu tư.

Điều 21: Quản lý tài sản bằng tiền

Quản lý tiền mặt tại quỹ:

- 21.1 Thủ quỹ là người trực tiếp chịu trách nhiệm vật chất về việc quản lý tiền mặt tồn quỹ trong Công ty, có trách nhiệm mở sổ quỹ tiền mặt, đóng dấu giáp lai, thực hiện ghi chép các phiếu thu chi. Thủ quỹ chịu trách nhiệm trước Kế toán trưởng và TGD, trước Pháp luật về quản lý tiền mặt.

- 21.2 Mọi khoản tiền qua quỹ đều phải lập phiếu thu, phiếu chi và có chữ ký của người có thẩm quyền. Nghiêm cấm việc tạm ứng, tạm vay tiền chưa làm thủ tục đã chi tiền ra khỏi quỹ.
- 21.3 Hạn mức tồn quỹ tiền mặt của Công ty là không quá 500 triệu đồng chẵn. Số tiền vượt quá hạn mức tồn quỹ tiền mặt phải được gửi vào tài khoản của Công ty tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng.
- 21.4 Định kỳ (cuối tháng, cuối quý, cuối năm), hoặc đột xuất tùy theo yêu cầu quản lý, thủ quỹ và các thành viên kiểm kê thực hiện kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, lập biên bản kiểm kê và ký xác nhận của TGD, Kế toán trưởng, kế toán tiền mặt, thủ quỹ.
- 21.5 Các khoản chênh lệch thừa, thiếu phát sinh trong quá trình kiểm kê phải xác định nguyên nhân. Nếu do lỗi chủ quan của cá nhân gây ra, cá nhân đó phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và tùy mức độ có thể bị xử lý theo quy định của Pháp luật. Mức bồi thường cụ thể do TGD quy định nhưng không được thấp hơn mức thiệt hại do cá nhân gây ra.
- 21.6 Biên bản kiểm kê phải được lưu giữ trong hồ sơ chứng từ kế toán tiền mặt.
- Quản lý tiền gửi ngân hàng
- 21.7 Mọi thủ tục thanh toán qua Ngân hàng phải được thực hiện theo đúng các quy định của các tổ chức tín dụng Ngân hàng và Nhà nước.
- 21.8 Công ty phải thường xuyên và định kỳ (tháng, quý, năm) đối chiếu và xác nhận số dư tiền gửi tại các Ngân hàng, tổ chức tín dụng để phát hiện sai sót, nhầm lẫn và điều chỉnh kịp thời các khoản chênh lệch (nếu có).

Điều 22: Quản lý các khoản tạm ứng

- 22.1 Điều này áp dụng với các đối tượng là cán bộ nhân viên (CBNV) công tác tại Công ty.
- 22.2 Khi cần tạm ứng tiền mặt để phục vụ công tác, CBNV làm giấy đề nghị tạm ứng, có phê duyệt của Kế toán trưởng và Ban TGD. Giấy đề nghị tạm ứng phải ghi rõ số tiền tạm ứng, mục đích sử dụng của khoản tiền tạm ứng, thời gian thanh toán tạm ứng.
- 22.3 Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành toàn bộ hoặc từng phần công việc, cá nhân tạm ứng cần làm đề nghị thanh toán và nộp về phòng Tài chính Kế toán để thực hiện quyết toán tạm ứng theo quy định. Nếu quá thời hạn này mà chưa nộp hồ sơ quyết toán, kế toán theo dõi tạm ứng có quyền khấu trừ số tiền tạm ứng chưa thanh toán vào lương của cá nhân cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ quyết toán..
- 22.4 Cuối quý, năm, kế toán theo dõi tạm ứng thực hiện lập Biên bản đối chiếu và xác nhận số dư tạm ứng với từng cá nhân. Trong trường hợp có chênh lệch, kế toán và cá nhân tạm ứng phải xác định nguyên nhân để trình cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

Điều 23: Quản lý các khoản nợ phải thu.

- 23.1 Công ty phải mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng nợ, bao gồm: tổng số nợ phải thu, số đã được thu và số còn phải thu, tổng số nợ phải trả, số đã trả và số còn phải trả.
- 23.2 Bộ phận kế toán có trách nhiệm quản lý, theo dõi, đối chiếu, đôn đốc và đề xuất phương án xử lý các khoản nợ khó đòi.
- 23.3 Bộ phận kinh doanh có trách nhiệm thu hồi, phân tích khả năng trả nợ, hỗ trợ bộ phận kế toán trong việc thống kê, theo dõi, đối chiếu công nợ.
- 23.4 Khi khoá sổ lập báo cáo tài chính năm, Công ty có trách nhiệm đối chiếu công nợ với khách hàng bằng cách lập bảng đối chiếu công nợ ghi đầy đủ các thông tin cần thiết và có chữ ký xác nhận của các bên liên quan.
- 23.5 Công ty được quyền bán các khoản nợ phải thu theo quy định của Pháp luật để thu hồi vốn. Giá bán các khoản nợ do các bên tự thỏa thuận. Chênh lệch giữa giá trị thu hồi được và giá trị khoản nợ phải thu được xử lý như đối với khoản nợ phải thu không đòi được, cụ thể: Số nợ không đòi được sau khi trừ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể có liên quan được bù đắp bằng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, nếu thiếu, hạch toán vào chi phí kinh doanh của Công ty. Trường hợp nếu tổng số nợ không thu hồi được lớn, hạch toán vào chi phí trong năm dẫn đến kết quả kinh doanh bị lỗ thì sẽ được phân bổ một phần cho năm tiếp theo nhưng tối đa không quá hai năm tài chính. HĐQT và TGD có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được.
- 23.6 Nợ phải thu khó đòi là các khoản nợ quá hạn thanh toán theo quy định ghi trên hợp đồng hoặc các cam kết khác hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ khó có khả năng thanh toán. Công ty phải trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định tài chính hiện hành.
- 23.7 Công ty có trách nhiệm xử lý nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo quy định của Nhà nước và phân cấp tại Quy chế này. Sau khi xử lý nợ phải thu không có khả năng thu hồi, Công ty vẫn phải theo dõi trên tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán và tổ chức thu hồi.
- 23.8 TGD Công ty có trách nhiệm báo cáo kịp thời cho HĐQT về các khoản nợ không có khả năng thu hồi và đề xuất hướng xử lý. Nếu không báo cáo và xử lý kịp thời dẫn đến thất thoát vốn của Công ty thì phải chịu trách nhiệm trước HĐQT.

Điều 24: Quản lý hàng tồn kho.

- 24.1 Hàng tồn kho của Công ty bao gồm hàng hoá mua về để bán còn tồn kho, nguyên, nhiên vật liệu, công cụ, dụng cụ đã mua hoặc đang đi trên đường để phục vụ sản xuất kinh doanh. Hàng tồn kho của Công ty phải được theo dõi và quản lý chặt chẽ cả về giá trị, số lượng và chất lượng. Kế toán theo dõi hàng tồn kho có trách nhiệm mở sổ theo dõi cho từng loại hàng hóa, đảm bảo cập nhật đầy đủ thông tin về nhập - xuất - tồn.
- 24.2 Hàng tồn kho được tính giá, theo dõi và hạch toán nhập - xuất - tồn theo nguyên tắc giá gốc bao gồm tất cả các chi phí thực tế có liên quan đến việc tạo ra hàng tồn kho. Công ty thực hiện theo dõi nhập - xuất - tồn theo phương pháp kế toán phù hợp với quy định pháp luật và chuẩn mực kế toán hiện hành.

- 24.3 Tại thời điểm khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính năm nếu có những bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá trị gốc của hàng tồn kho đang ghi sổ kế toán thì Công ty phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định kế toán và Pháp luật hiện hành.

Điều 25: Tài sản cố định

- 25.1 TSCĐ của Công ty bao gồm TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và TSCĐ thuê tài chính. Việc xác định tiêu chuẩn, nguyên giá và thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ thực hiện theo quy định hiện hành của Pháp luật.
- 25.2 Mọi TSCĐ đều phải được đánh số, ghi thẻ tài sản, có hồ sơ tài sản riêng (gồm: Biên bản giao nhận TSCĐ, hợp đồng kinh tế, hóa đơn mua TSCĐ, dự toán, quyết toán thi công và các chứng từ có liên quan khác...), được theo dõi trong sổ theo dõi tài sản và phải được bảo dưỡng theo đúng quy định hiện hành của Pháp luật.
- 25.3 TSCĐ được phân loại dựa trên các chỉ tiêu phân loại theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính. Mỗi TSCĐ phải được quản lý theo nguyên giá, số khấu hao lũy kế và giá trị còn lại trên sổ kế toán
- 25.4 Những tài sản phải đăng ký quyền sở hữu thì phải thực hiện đăng ký quyền sở hữu theo quy định của Pháp luật.
- 25.5 Tài sản phải được giao cụ thể cho từng đơn vị, cá nhân trong Công ty chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng. Khi sử dụng tài sản của Công ty, các đơn vị và cá nhân có trách nhiệm:
- a) Bảo quản và sử dụng tốt tài sản được giao.
 - b) Khi cần thay đổi người trực tiếp quản lý sử dụng tài sản trong nội bộ đơn vị phải có sự đồng ý của lãnh đạo bộ phận. Biên bản bàn giao giữa hai bên phải ghi tình trạng của tài sản và có sự chứng kiến của Văn phòng Công ty.
 - c) Cá nhân được giao quản lý, sử dụng tài sản không được tự ý thay đổi hình dạng, giá trị, vị trí, tính năng tác dụng của tài sản khi chưa được lãnh đạo đơn vị chấp thuận. Việc bảo dưỡng, cải tạo, sửa chữa tài sản thực hiện theo quy định của Công ty.
- 25.6 Để bảo đảm an toàn cho việc sử dụng tài sản, Công ty có trách nhiệm mua bảo hiểm tài sản và/hoặc trích lập dự phòng rủi ro cho tài sản khi cần thiết.
- 25.7 Công ty lựa chọn để áp dụng phương pháp khấu hao TSCĐ phù hợp với điều kiện kinh doanh trong từng thời kỳ cho mọi TSCĐ của Công ty nhưng phải theo nguyên tắc số khấu hao TSCĐ không được thấp hơn mức hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình của TSCĐ. HĐQT, TGD quyết định mức khấu hao cụ thể nhưng không được thấp hơn mức quy định của Bộ Tài chính.
- 25.8 Khuyến khích áp dụng phương pháp khấu hao nhanh đối với những TSCĐ có mức độ tiến bộ khoa học kỹ thuật nhanh hoặc có mức độ rủi ro cao trong vận hành.
- 25.9 Mọi TSCĐ sau khi đã khấu hao hết giá trị nếu vẫn còn sử dụng thì Công ty không trích khấu hao nhưng vẫn phải tiếp tục theo dõi, quản lý và sử dụng như đối với TSCĐ bình thường trong quá trình hoạt động của Công ty.

- 25.10 Bộ phận kế toán phải lập bảng trích khấu hao TSCĐ hàng tháng (quý) làm cơ sở quản lý giá trị còn lại của tài sản và tính toán chi phí kinh doanh theo quy định tài chính hiện hành.

Điều 26: Thanh lý, nhượng bán tài sản

- 26.1 Việc thanh lý, nhượng bán tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều lệ của Công ty và quy định Pháp luật hiện hành liên quan.
- 26.2 Khoản chênh lệch giữa giá trị thu hồi (nếu có) khi thanh lý, nhượng bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản trên sổ sách và chi phí thanh lý được hạch toán vào kết quả kinh doanh của Công ty theo chế độ kế toán hiện hành.
- 26.3 Thẩm quyền quyết định việc thanh lý nhượng bán tài sản phải phù hợp với thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm tài sản và theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 27: Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản

- 27.1 Công ty được cho thuê, thế chấp, cầm cố các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn và bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật dân sự và các quy định khác của Nhà nước.
- 27.2 Thẩm quyền quyết định việc cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản phải phù hợp với thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm tài sản.

Điều 28: Sử dụng tài sản của Công ty làm biện pháp bảo đảm.

- 28.1 Công ty có thể sử dụng các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty để làm biện pháp đảm bảo nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo nguyên tắc hiệu quả và bảo toàn vốn.
- 28.2 Người có thẩm quyền quyết định đầu tư và mua sắm tài sản có quyền quyết định sử dụng tài sản hình thành từ việc đầu tư làm biện pháp đảm bảo:
- TGD được phân cấp quyết định việc sử dụng tài sản của Công ty để đảm bảo cho các nghĩa vụ trong trường hợp giá trị các nghĩa vụ bảo đảm dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - HĐQT quyết định việc sử dụng tài sản của Công ty để đảm bảo cho các nghĩa vụ trong trường hợp giá trị các nghĩa vụ bảo đảm từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sử dụng tài sản của Công ty để đảm bảo cho các nghĩa vụ trong trường hợp giá trị các nghĩa vụ bảo đảm từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- 28.3 Việc sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm phải tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật Dân sự và các quy định hiện hành khác của Pháp luật.

Điều 29: Kiểm kê tài sản và xử lý tài sản tồn thất

- 29.1 Kiểm kê tài sản:

Trước khi khoá sổ kế toán để lập Báo cáo tài chính năm hoặc sau khi xảy ra thiên tai, địch họa hoặc vì lý do khác gây ra biến động tài sản của Công ty hoặc theo chủ trương của Nhà nước, Công ty phải tổ chức kiểm kê, xác định lại số lượng tài sản (TSCĐ và các khoản đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và các khoản đầu tư ngắn hạn), đối chiếu số liệu ghi sổ kế toán để xác định số thừa thiếu, xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người có liên quan và xác định mức bồi thường vật chất (nếu có) theo quy định.

29.2 Xử lý tài sản tổn thất:

29.2.1 Tài sản tổn thất do mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém phẩm chất, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho ứ đọng trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất, Công ty phải xác định giá trị đã bị tổn thất, nguyên nhân trách nhiệm và xử lý như sau:

- a) Nếu nguyên nhân do chủ quan của tập thể và cá nhân thì người gây tổn thất phải bồi thường theo quy định của Pháp luật. HĐQT quyết định mức bồi thường và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;
- b) Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tổn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm;
- c) Giá trị tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm, nếu thiếu thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ;
- d) Những trường hợp tổn thất đặc biệt do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng gây thiệt hại nghiêm trọng như thiên tai, hoả hoạn... Công ty đã huy động các nguồn vốn hợp pháp để bù đắp, nhưng vẫn không thể khắc phục được thì Công ty lập phương án xử lý tổn thất trình Đại hội đồng cổ đông. Sau khi có ý kiến của Đại hội đồng cổ đông, TGD quyết định việc xử lý tổn thất theo thẩm quyền.

29.2.2 Công ty có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản. Trường hợp để các khoản tổn thất tài sản không được xử lý hoặc báo cáo không trung thực thì HĐQT/TGD chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông/ HĐQT.

Điều 30: Đánh giá lại giá trị tài sản

30.1 Công ty thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:

- a) Theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Thực hiện chuyển đổi sở hữu Công ty;
- d) Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài Công ty;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.

30.2 Đánh giá lại tài sản là việc Công ty căn cứ vào thực trạng tài sản như phẩm chất, tính năng kỹ thuật, căn cứ vào giá thị trường tại thời điểm đánh giá để tính giá trị thực của tài sản cho Công ty và là căn cứ để tính lại giá trị thực của vốn, tài sản từ đó đưa ra những biện pháp điều chỉnh phù hợp.

30.3 Việc đánh giá lại tài sản và xử lý các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản được thực hiện theo quy định của Nhà nước và quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với từng trường hợp cụ thể.

- 30.4 Việc đánh giá lại tài sản phải được tiến hành một cách chính xác, nghiêm túc, khách quan và có trách nhiệm cao. Đồng thời, việc đánh giá lại tài sản phải tuân theo các quy định của Pháp luật hiện hành liên quan và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

MỤC 3: DOANH THU, CHI PHÍ, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Điều 31: Doanh thu và thu nhập khác

- 31.2 Doanh thu của Công ty gồm doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác.
- 31.3 Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường gồm doanh thu thu được từ hoạt động kinh doanh cung ứng vật tư, thiết bị, đại lý tàu, đại lý giao nhận, nhập khẩu ủy thác và các hoạt động kinh doanh khác cho khách hàng theo quy định về kế toán doanh thu của Pháp luật hiện hành.
- 31.4 Doanh thu từ hoạt động tài chính gồm doanh thu hoặc thu nhập được chia từ các hoạt động liên doanh, liên kết hoặc góp vốn đầu tư với các tổ chức và cá nhân khác; tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi, trả góp, chiết khấu thanh toán do mua hàng hoá, dịch vụ; thu nhập từ chuyển nhượng, cho thuê tài sản; chênh lệch lãi do bán ngoại tệ; khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; chuyển nhượng vốn và các khoản thu từ hoạt động tài chính khác theo quy định của Pháp luật và chuẩn mực kế toán hiện hành.
- 31.5 Thu nhập khác của Công ty gồm các khoản thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản; thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý; thu từ các khoản nợ phải trả nhưng không xác định được chủ nợ; các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến cung cấp sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có); thu từ quà biếu, quà tặng của các tổ chức, cá nhân cho Công ty; các khoản thu nhập kinh doanh bỏ sót từ năm trước năm nay phát hiện ra và các khoản thu nhập hợp pháp khác, tuân thủ quy định của Pháp luật hiện hành về thuế và kế toán.

Điều 32: Các loại chi phí kinh doanh và nguyên tắc xác định

- 32.1 Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty trong năm tài chính, bao gồm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí hoạt động tài chính và chi phí khác.
- 32.2 Việc xác định các khoản chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty phải theo đúng chế độ, định mức kinh tế kỹ thuật và quy chế của Công ty. Các khoản chi phí phải có chứng từ hoá đơn hợp lý, hợp lệ, được tập hợp và theo dõi theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý chứng từ hoá đơn.

Điều 33: Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

- 33.1 Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính, bao gồm:
- a) Chi phí sản xuất kinh doanh:

- (i) Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, bán thành phẩm, dịch vụ mua ngoài (tính theo mức tiêu hao thực tế và giá gốc thực tế), chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ lao động, chi phí sửa chữa TSCĐ, chi phí trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.
 - (ii) Chi phí khấu hao TSCĐ.
 - (iii) Chi phí tiền lương, tiền công, chi phí có tính chất lương phải trả cho người lao động và tiền lương, thù lao phải trả cho HĐQT, Ban kiểm soát của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
 - (iv) Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, kinh phí công đoàn cho người lao động mà Công ty phải nộp theo quy định.
 - (v) Chi phí giao dịch, môi giới, tiếp khách, tiếp thị, xúc tiến thương mại, quảng cáo, hội họp tính theo chi phí thực tế phát sinh.
 - (vi) Các khoản thuế tài nguyên, thuế đất, thuế môn bài;
 - (vii) Tiền thuê đất;
 - (viii) Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tay nghề của người lao động;
 - (ix) Chi cho công tác y tế; chi nghiên cứu khoa học, nghiên cứu đổi mới công nghệ;
 - (x) Thưởng sáng kiến cải tiến, thưởng tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí.
 - (xi) Chi phí cho lao động nữ;
 - (xii) Chi phí cho công tác bảo vệ môi trường;
 - (xiii) Chi phí ăn ca cho người lao động;
 - (xiv) Chi phí cho công tác Đảng, đoàn thể tại Công ty (phần chi ngoài kinh phí của tổ chức Đảng, đoàn thể được chi từ nguồn quy định);
 - (xv) Các khoản chi phí bằng tiền khác;
 - (xvi) Giá trị tài sản tổn thất thực tế, nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo quy định tại Quy chế này.
 - (xvii) Giá trị các khoản dự phòng giảm giá hàng hoá tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, chênh lệch tỷ giá, chi phí trích trước bảo hành sản phẩm, các khoản dự phòng theo quy định hiện hành.
- b) Chi phí hoạt động tài chính, bao gồm: các khoản chi liên quan đến đầu tư ra ngoài Công ty, tiền lãi phải trả do huy động vốn, chênh lệch tỷ giá khi thanh toán, chi phí chiết khấu thanh toán, chi phí cho thuê tài sản, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn.
- c) Chi phí khác, bao gồm:
- (i) Chi phí nhượng bán, thanh lý TSCĐ gồm cả giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý, nhượng bán;
 - (ii) Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xoá sổ kế toán;
 - (iii) Chi phí để thu tiền phạt;

- (iv) Chi phí về tiền phạt do vi phạm hợp đồng;
 - (v) Các chi phí khác.
- 33.2. Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản đã có nguồn khác đảm bảo hoặc không liên quan đến sản xuất kinh doanh sau đây:
- a) Các khoản chi thuộc nội dung chi của quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng và các quỹ khác có trong Công ty.
 - b) Các khoản chi vì lý do nhân đạo.
 - c) Chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm TSCĐ và các khoản chi đầu tư khác
 - d) Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - e) Các khoản chi không có chứng từ hợp lệ;
 - f) Các khoản tiền phạt về vi phạm Pháp luật không mang danh Công ty mà do cá nhân gây ra.

Điều 34: Quản lý chi phí

- 34.1 Các chi phí liên quan đến việc mua hàng, dự trữ hàng hóa, bán hàng và các chi phí khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ do các phòng/ban kinh doanh trình TGD phê duyệt trên phương án kinh doanh của từng hợp đồng, từng dự án, đảm bảo tuân thủ các quy định Pháp luật và tiết kiệm chi phí nhằm tăng lợi nhuận tối đa cho hợp đồng/dự án.
- 34.2 Các chi phí thường xuyên như tiếp khách, hội họp, công tác phí, xăng xe, điện thoại... sẽ được thực hiện theo các quy chế riêng, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.
- 34.3 Việc phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý để xác định hiệu quả kinh doanh của từng hoạt động sẽ do Phòng Tài chính Kế toán xác định, trình TGD Công ty phê duyệt.
- 34.4 Hàng quý hoặc hàng tháng, Phòng Tài chính kế toán tập hợp chi phí của từng hoạt động kinh doanh và chi tiết theo khoản mục chi phí trình TGD.
- 34.5 Căn cứ yêu cầu quản lý, Công ty tổ chức phân tích chi phí nhằm xác định những biến động chi phí để có giải pháp điều chỉnh kịp thời.

Điều 35: Lợi nhuận thực hiện

- 35.1 Công ty xác định lợi nhuận thực hiện hàng quý, hàng năm theo đúng các quy định của chuẩn mực kế toán và các quy định của Pháp luật.
- 35.2 Lợi nhuận thực hiện của Công ty là:
- a) Chênh lệch giữa doanh thu từ việc bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ với tổng giá thành toàn bộ sản phẩm, hàng hoá hoặc chi phí tiêu thụ trong kỳ.
 - b) Chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ. Các khoản lợi nhuận thu được do việc đầu tư ra ngoài doanh nghiệp của Công ty nếu đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ở Công ty này thì vẫn hạch toán vào lợi nhuận hoạt động tài chính. Việc tính thuế thu

nhập doanh nghiệp với khoản thu nhập này thực hiện theo quy định của Pháp luật thuế hiện hành.

- c) Chênh lệch giữa thu nhập từ hoạt động khác với chi phí hoạt động khác phát sinh trong kỳ.

MỤC 4: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ

Điều 36: Phân phối lợi nhuận.

- 36.1 Lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và bù đắp các khoản lỗ năm trước không được trừ vào lợi nhuận trước thuế, được sử dụng theo quy định trong Điều lệ Công ty.
- 36.2 HĐQT có trách nhiệm thông qua việc phân phối lợi nhuận và việc sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định theo từng năm, đảm bảo phù hợp các quy định Pháp luật hiện hành liên quan. Giao cho TGD Công ty thực hiện việc chi, sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi và báo cáo lại HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông.
- 36.3 Số cổ tức được chia cho các cổ đông thực hiện theo kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty. Tùy tình hình thực tế, đặc điểm kinh doanh cho phép, HĐQT có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo từng thời hạn mỗi năm 2 kỳ hoặc 1 lần sau khi kết thúc kiểm toán năm tài chính.

Điều 37: Mục đích sử dụng các quỹ.

- 37.1 Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh của Công ty.
- 37.2 Quỹ khen thưởng được dùng để:
 - a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ cho người lao động trong Công ty. Mức thưởng do TGD quyết định trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của từng cá nhân người lao động, TGD tham khảo ý kiến của công đoàn Công ty trước khi quyết định.
 - b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty. Mức thưởng do TGD quyết định.
 - c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty. Mức thưởng do TGD quyết định.
- 37.3 Quỹ phúc lợi được dùng để:
 - a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty;
 - b) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội;
 - c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành;
 - d) Trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội;

- e) Việc quản lý sử dụng quỹ phúc lợi do TGD Công ty quyết định sau khi tham khảo ý kiến của công đoàn Công ty.
- 37.4 Quỹ thưởng Ban điều hành Công ty được sử dụng để thưởng cho HĐQT Công ty và Ban lãnh đạo Công ty. Mức thưởng do HĐQT Công ty quyết định gắn với hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, trên cơ sở đề nghị của TGD.

MỤC 5: KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH VÀ KIỂM TOÁN

Điều 38: Tài khoản ngân hàng

Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng hoạt động tại Việt Nam. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản tại ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật nếu cần thiết.

Điều 39: Kế hoạch tài chính

- 39.1 Hàng năm, căn cứ chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, nhu cầu về vốn của Công ty, TGD trình HĐQT Công ty phê duyệt kế hoạch chi tiết về sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính năm sau của Công ty. HĐQT xem xét trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 39.2 Kế hoạch chi tiết về sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính được xây dựng phù hợp với nguyên tắc quản lý doanh thu, chi phí, lợi nhuận và tăng trưởng.
- 39.3 TGD có trách nhiệm báo cáo kết quả việc thực hiện các kế hoạch hàng năm này cho HĐQT Công ty trong vòng 90 ngày sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.

Điều 40: Kiểm toán

- 40.1 Hàng quý, Ban kiểm soát thường xuyên kiểm tra tình hình chấp hành chính sách chế độ quản lý tài chính và hạch toán kế toán trong Công ty. Sau khi kiểm tra nội bộ, Ban kiểm soát phải báo cáo kết quả kiểm tra cũng như các kiến nghị của mình với HĐQT và Đại hội đồng cổ đông theo quy định trong Điều lệ Công ty.
- 40.2 Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập theo quy định của Nhà nước về kiểm toán. Việc lựa chọn Công ty kiểm toán do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

MỤC 6: QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 41: Quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác

- 41.1 Công ty thực hiện các quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu vốn với số vốn đầu tư tại các Công ty con, Công ty liên kết theo quy định của Pháp luật. Việc quản lý vốn tại doanh nghiệp khác được thực hiện thông qua việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty với tư cách là chủ sở hữu vốn hoặc là cổ đông, hoặc là người góp vốn; và việc cử người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác.

- 41.2 TGD có trách nhiệm tổ chức theo dõi quản lý một cách có hiệu quả các khoản vốn đầu tư ra ngoài Công ty. TGD và người đại diện phần vốn góp của Công ty có trách nhiệm báo cáo hàng quý và hàng năm cho HĐQT về tình hình và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh ở các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.
- 41.3 Trường hợp Công ty nắm giữ cổ phần hoặc vốn góp dưới 5% vốn điều lệ của doanh nghiệp khác thì Công ty không cần phải cử người đại diện phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác. Trường hợp này, TGD phân công hoặc ủy quyền người thực hiện các quyền của cổ đông, người góp vốn theo quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp khác.

Điều 42: Quyền và nghĩa vụ của người đại diện

- 42.1 Quyền, nghĩa vụ của người đại diện tại doanh nghiệp khác có vốn đầu tư của Công ty được qui định trong điều lệ của doanh nghiệp đó và các quy định của Công ty.
- 42.2 Theo dõi, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ doanh nghiệp. Định kỳ hoặc theo yêu cầu báo cáo cho Công ty về tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh, vấn đề tài chính của doanh nghiệp khác và việc thực hiện các nhiệm vụ được Công ty giao.
- 42.3 Người đại diện tham gia quản lý điều hành doanh nghiệp khác phải nghiên cứu đề xuất phương hướng, biện pháp hoạt động của mình tại doanh nghiệp khác để trình Công ty phê duyệt. Đối với những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp đưa ra thảo luận trong HĐQT, trong Ban giám đốc, trong Đại hội cổ đông hay bên liên doanh như phương hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh, huy động thêm cổ phần, vốn góp, chia cổ tức, người đại diện phải xin ý kiến của Công ty trước khi họp và biểu quyết. Trường hợp nhiều người đại diện cùng tham gia hội đồng quản trị, quản lý điều hành của doanh nghiệp khác thì phải cùng nhau bàn bạc và thống nhất ý kiến trước khi phát biểu và biểu quyết.
- 42.4 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 42.5 Chịu trách nhiệm trước Công ty về các nhiệm vụ được giao. Trường hợp thiếu trách nhiệm, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất theo quy định của Pháp luật.

Điều 43: Tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện

- 43.1 Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, phải là người của Công ty.
- 43.2 Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe đảm đương nhiệm vụ.
- 43.3 Hiểu biết Pháp luật, có ý thức chấp hành luật pháp.
- 43.4 Có trình độ chuyên môn về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp khác có vốn đầu tư của Công ty, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp. Đối với người đại diện tại các liên doanh, các doanh nghiệp ở nước ngoài phải có trình độ ngoại ngữ đủ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài trong liên doanh không cần phiên dịch.

- 43.5 Không là bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột với những người là đại diện chủ sở hữu, người trong Hội đồng quản trị, ban lãnh đạo của doanh nghiệp được góp vốn.

Điều 44: Tiền lương, thưởng và quyền lợi của người đại diện.

- 44.1 Người đại diện tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp khác được hưởng lương, thưởng và các quyền lợi khác theo quy định trong điều lệ doanh nghiệp đó và do doanh nghiệp đó trả.
- 44.2 Người đại diện ở doanh nghiệp khác không được doanh nghiệp khác trả lương, phụ cấp, thưởng và các chế độ quyền lợi khác thì Công ty là người trả lương, phụ cấp, tiền thưởng và chế độ khác cho người đại diện.
- 44.3 Người đại diện không được cùng lúc hưởng lương, tiền thưởng ở cả hai nơi.

MỤC 7: QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TGD TRONG VIỆC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 45: Quyền hạn của TGD.

- 45.1 TGD là người đại diện theo Pháp luật của Công ty, quản lý điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- 45.2 Quyết định tất cả các vấn đề không nằm trong phạm vi quyết định hoặc phê duyệt, thông qua của Đại hội đồng Cổ đông và HĐQT.

Điều 46: Nghĩa vụ và trách nhiệm của TGD.

- 46.1 Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn, nghĩa vụ được giao vì lợi ích của Công ty.
- 46.2 Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của Công ty nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác. Không đem cho, tặng tài sản của Công ty cho bất kỳ đối tượng nào.
- 46.3 Thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, kế hoạch tài chính, kinh doanh, đầu tư của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông, HĐQT thông qua.

CHƯƠNG III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 47: Tổ chức thực hiện

- 47.1 TGD, Kế toán trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh quy định tại Quy chế này.
- 47.2 HĐQT, Ban kiểm soát chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

47.3 Toàn thể người lao động trong Công ty chịu trách nhiệm thực hiện theo quy chế này.

Điều 48: Sửa đổi bổ sung quy chế

- 48.1 Quy chế này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hoạt động kinh doanh thực tế tại Công ty và quy định của Pháp luật hiện hành.
- 48.2 Bất cứ sửa đổi, bổ sung và thay thế điều khoản nào của Quy chế này chỉ có hiệu lực khi được HĐQT phê duyệt và phải lập thành văn bản theo đúng các quy định của Pháp luật.
- 48.3 Các điều khoản sửa đổi, bổ sung và thay thế Quy chế này được quy định trong phụ lục của Quy chế và là một phần không thể tách rời của Quy chế này.

Điều 49: Hiệu lực thi hành

- 49.1 Quy chế tài chính này bao gồm 3 chương 49 điều.
- 49.2 Ngoài các quy định tại Quy chế tài chính này, Công ty phải thực hiện các quy định của Pháp luật hiện hành về quản lý tài chính và hạch toán kế toán.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Võ Khánh Hưng